

Số 29 Đường Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, Tp. Tân An, Long An.

Điện thoại: (027) 2352 1212

Fax: (027) 2352 1252

Email: info@mecofood.com.vn

Website: www.mecofood.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2024





MỤC LỤC

CHƯƠNG 01 3

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát về MECOFOOD
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các thành tích tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro trong quá trình hoạt động

CHƯƠNG 02 21

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

CHƯƠNG 03 59

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Kế hoạch đầu tư năm 2024

CHƯƠNG 04 73

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG 05 81

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Hoạt động của Ban kiểm soát
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng Công ty

CHƯƠNG 06 95

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát về MECOFOOD
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro trong quá trình hoạt động





THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ MECOFOOD



Vốn điều lệ:

107.778.380.000 đồng



Email

info@mecofood.com.vn



Số điện thoại

(027) 2352 1212



Website

www.mecofood.com.vn



Fax

(027) 2352 1252



Mã cổ phiếu:

MCF

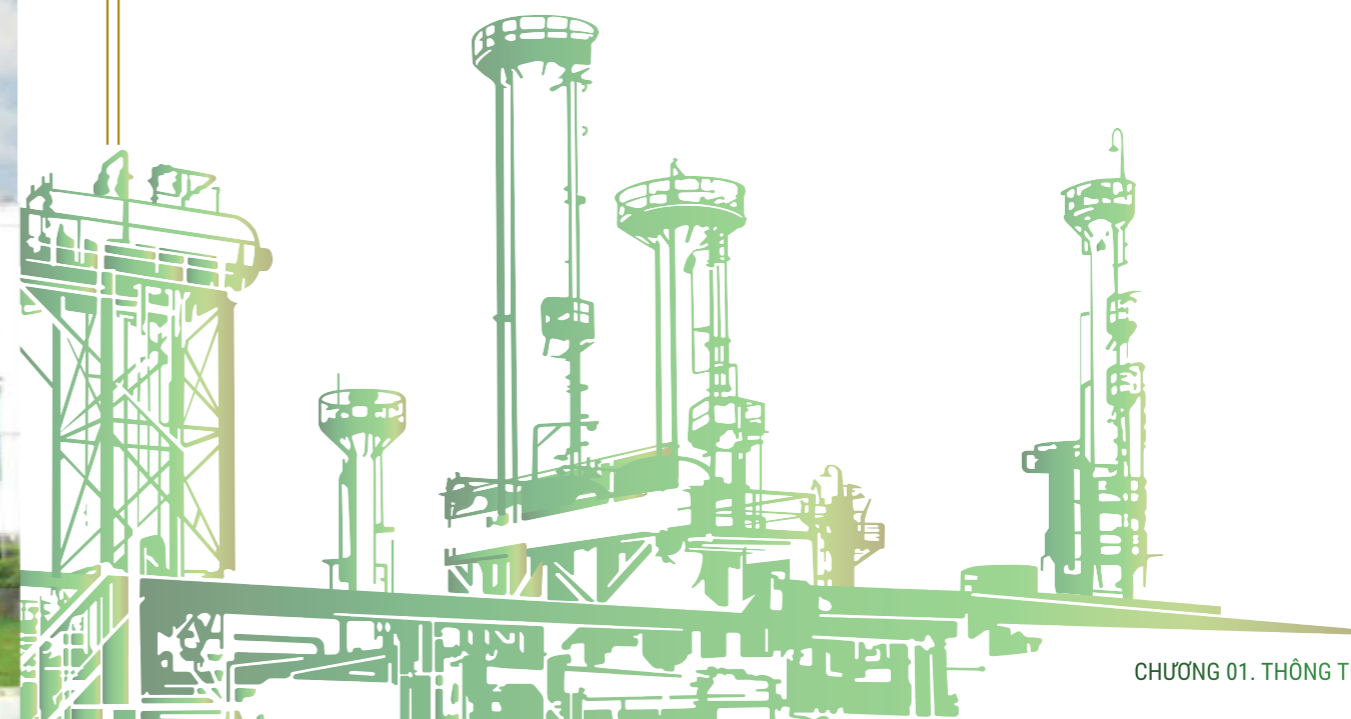
Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực thực phẩm

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực thực phẩm

Tên tiếng Anh: Mechannics Construction And Foodstuff Joint-Stock Company

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

Giấy chứng nhận ĐKDN: GPĐKKD số 1100664038 do sở KH&ĐT tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 18/02/2005 và thay đổi lần thứ 16 ngày 19/05/2022.





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TW ngày 24/09/2001 của BCHTW khóa IX về chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 02/04/2004 Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đã có quyết định số 54A/QĐ.HĐQT thực hiện sáp nhập một số đơn vị trực thuộc Công ty Lương thực Long An vào xí nghiệp Xây Lấp Cơ Khí Nông Nghiệp.

Đơn vị tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông để thành lập công ty. Được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy phép kinh doanh số 5003000092 vào ngày 18/02/2005, Công ty chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng vào ngày 01/03/2005.

Ngày 11/06/2018, Công ty tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên 107.778.380.000 đồng từ việc chào bán chứng khoán ra công chúng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kể từ ngày thành lập cho đến nay MECOFOOD không ngừng lớn mạnh, phát triển và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Công ty tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh ngành hàng mỹ nghệ.

2001

2005

2018

2024

2002

2009

2011

2023

Thông qua quyết định số 4438/QĐ/BNN-TCCB ký ngày 09/12/2002, Xí nghiệp Xây Lấp Cơ khí Nông nghiệp chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây lấp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

Ngày 16/04/2009, Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Xây lấp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm đã biểu quyết thống nhất việc sáp nhập Công ty CP Nông Sản và Bao Bì Long An vào Công ty Cổ phần Xây lấp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, tăng vốn điều lệ lên 27.163.400.000 đồng.

Ngày 14/02/2011, 3.500.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lấp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm đã được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là MCF.

Kể từ ngày thành lập cho đến nay MECOFOOD không ngừng lớn mạnh, phát triển và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Ngày 01/12/2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Phương án đầu tư mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng lương thực thực phẩm, theo đó Công ty sẽ chuẩn bị vận hành một nhà máy tại Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (thay thế cho Phân xưởng II sắp hết thời hạn thuê).



CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

Năm	Loại thành tích	Số quyết định	Ngày quyết định
2005	Bảng khen Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	1317/QĐ/BNN-VP	09/05/2006
2009	Cờ Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	3672/QĐ-BNN-TCCB	25/12/2009
2011	Bảng khen Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	715/QĐ/BNN-TCCB	30/03/2012
2011	Cờ Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	242/QĐ-BNN-TCC	10/02/2012
2012	Bảng khen Thủ tướng Chính phủ	2045/QĐ-TTg	11/06/2013
2012	Cờ Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	3247/QĐ-BNN-TCCB	27/12/2012
2013	Cờ Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	3037/QĐ-BNN-TCCB	24/12/2013
2014	Bảng khen Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	3196/QĐ-BNN/TCCB	11/8/2015
2014	Cờ Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	5497/QĐ-BNN-TCCB	22/12/2014
2015	Bảng khen Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn (khen điển hình tiên tiến 05 năm 2010 - 2014)	3197/QĐ-BNN/TCCB	11/08/2015
2018	Cờ Bộ Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn	1498/QĐ-BNN-TCCB	03/05/2019
2019	Cờ Ủy Ban Quản Lý Vốn Nhà Nước	221/QĐ-UBQLV	07/05/2020
2020	Cờ Ủy Ban Quản Lý Vốn Nhà Nước	90/QĐ-UBQLV	23/03/2021
2021	Bảng khen Thủ tướng Chính phủ	1612/QĐ-TTg	26/12/2022
2021	Cờ Ủy Ban Quản Lý Vốn Nhà Nước	91/QĐ-UBQLV	21/03/2022
2022	Cờ Ủy Ban Quản Lý Vốn Nhà Nước	612/QĐ-UBQLV	05/12/2022
2023	Cờ Ủy Ban Quản Lý Vốn Nhà Nước	745/QĐ-UBQLV	20/12/2023

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Ngành nghề
1	Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rơm sậy;
2	Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí;
3	Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá thủy, bộ;
4	Tư vấn, thiết kế, sản xuất và thi công xây lắp về lĩnh vực cơ khí, điện và xây dựng;
5	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

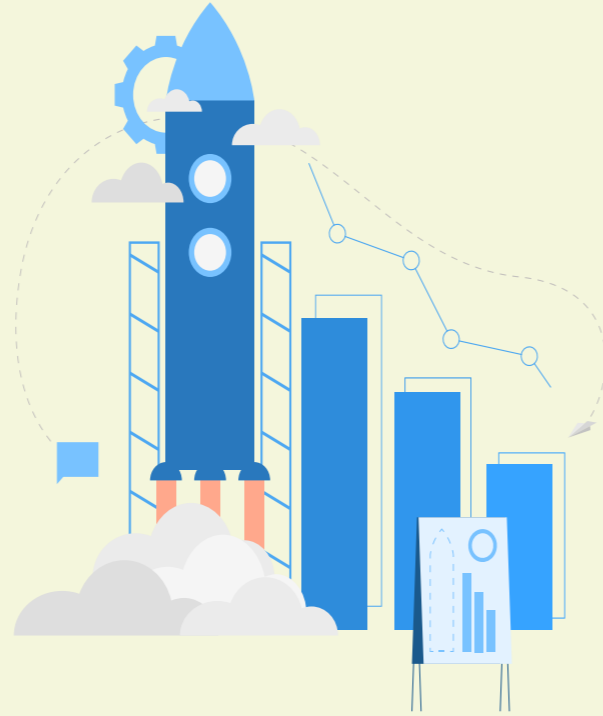
- Gạo: Sản phẩm gạo hiệu Thổ côm của MECOFOOD đã phủ rộng trên khắp cả nước với mạng lưới phân phối ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Các sản phẩm gạo hiện đều có mặt tại hầu hết các siêu thị như Metro và Coop – mart, và các đối tác của chúng tôi trong công nghiệp bún, mì tôm; công nghiệp sản xuất bia cũng như các suất ăn Công nghiệp với quy mô lớn. Ngoài ra, Công ty hiện đã chinh phục được thị trường khó tính như: Mỹ, Canada, Trung Đông... bên cạnh các thị trường phổ thông như: Châu Phi, Châu Á...
- Các sản phẩm của ngành hàng cơ khí; ngành hàng bê tông - vật liệu xây dựng và ngành hàng bao bì - mỹ nghệ được phân phối và tiêu thụ chủ yếu tại tỉnh Long An và các tỉnh thành lân cận.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Tăng cường hiệu quả quản lý và giám sát toàn bộ quy trình từ thu mua đến tiêu thụ sản phẩm.
- Đảm bảo sử dụng vốn một cách minh bạch và hiệu quả, tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật.
- Mở rộng thị trường và tăng cường các hoạt động tiếp thị để phát triển cả thị trường nội địa và xuất khẩu.
- Củng cố và mở rộng mạng lưới liên kết sản xuất, bảo đảm nguồn nguyên liệu chất lượng và ổn định.
- Đổi mới và nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm và bao bì để nâng cao sự hài lòng của khách hàng.
- Quản lý chất lượng nghiêm ngặt, giảm lãng phí và tối đa hóa lợi nhuận.



CÁC MỤC TIÊU TRUNG VÀ DÀI HẠN



- Tối ưu hóa quản lý chuỗi cung ứng: Xây dựng một hệ thống quản lý và giám sát hiện đại nhằm nâng cao hiệu suất trong toàn bộ quy trình từ thu mua đến sản xuất và tiêu thụ.
- Quản lý tài chính minh bạch và hiệu quả: Nâng cao quy trình kiểm soát chi tiêu và tăng cường tính minh bạch tài chính bằng cách đầu tư vào các phương pháp quản lý tiên tiến. Thực hiện đánh giá định kỳ để đảm bảo mọi hoạt động đầu tư đều phù hợp với mục tiêu chiến lược của công ty. Mở rộng thị trường và tăng cường tiếp thị: Xây dựng chiến lược quảng bá đa kênh nhằm khai thác và mở rộng thị trường cả trong nước và quốc tế.

- Tăng cường liên kết sản xuất: Mở rộng và củng cố mạng lưới liên kết với nông dân, hợp tác xã, và các doanh nghiệp khác để đảm bảo nguồn nguyên liệu chất lượng cao.
- Cải tiến sản phẩm và dịch vụ: Đầu tư vào nhà máy để cải tiến chất lượng sản phẩm, đảm bảo sản lượng sản xuất và phát triển sản phẩm mới.
- Nâng cao chất lượng bao bì và sản phẩm phụ: Cải tiến quy trình sản xuất bao bì và kiểm soát chất lượng sản phẩm nhằm giảm thiểu lãng phí nguyên liệu.

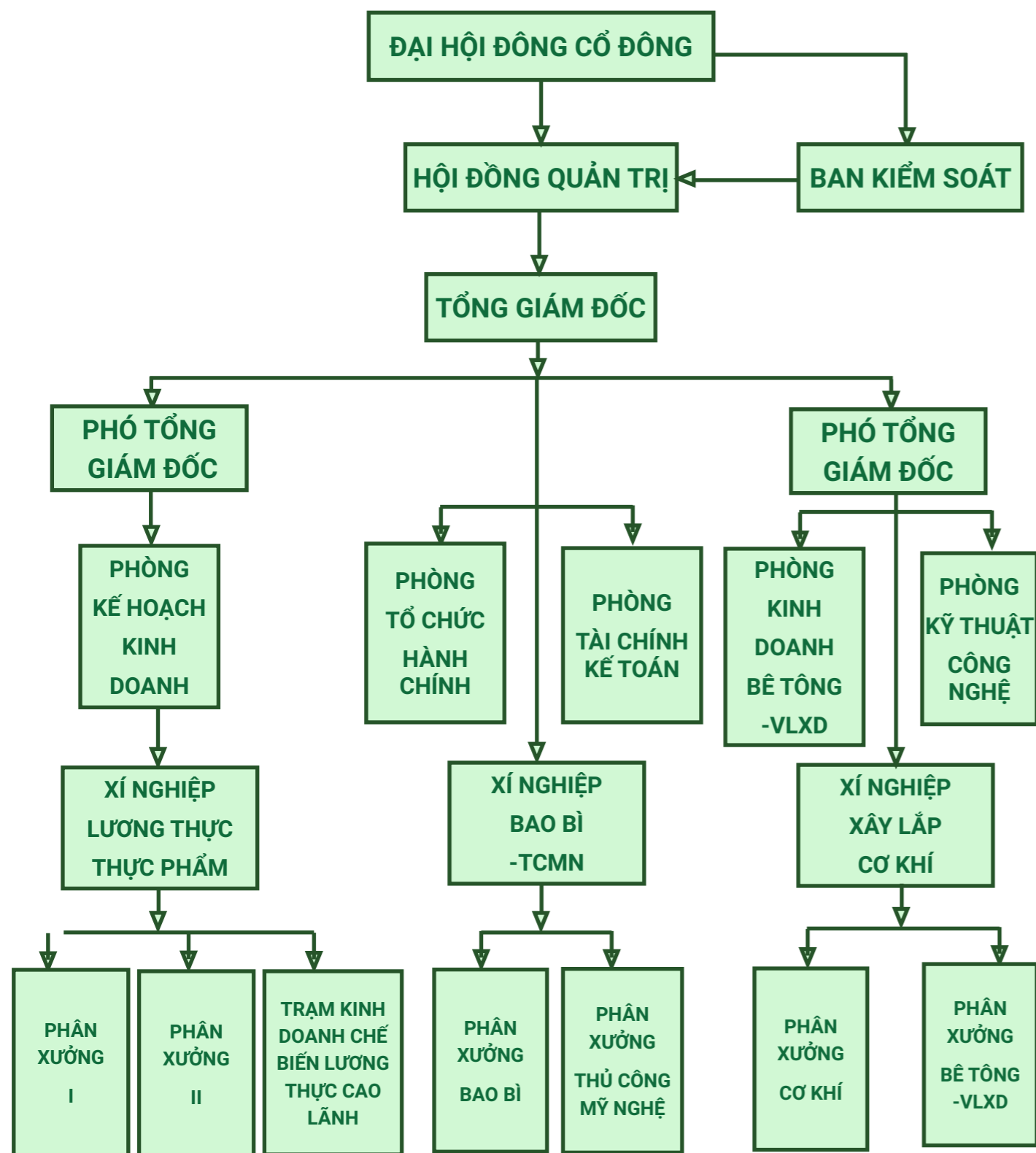
CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

- Cộng đồng: Thúc đẩy sự phát triển kinh tế tại địa phương bằng cách tạo ra cơ hội việc làm và cung cấp đào tạo kỹ năng nông nghiệp cho người dân.
- Xã hội: Khuyến khích tiêu thụ gạo sạch, đồng thời hỗ trợ các chương trình an sinh xã hội và nâng cao nhận thức về dinh dưỡng và sức khỏe.
- Môi trường: thúc đẩy chuỗi phát triển xanh và bền vững bằng cách hợp tác với những nông dân áp dụng phương pháp canh tác thân thiện với môi trường, giảm thiểu phát thải carbon trong vận chuyển, và áp dụng công nghệ xay xát hiện đại để tiết kiệm nước và năng lượng.

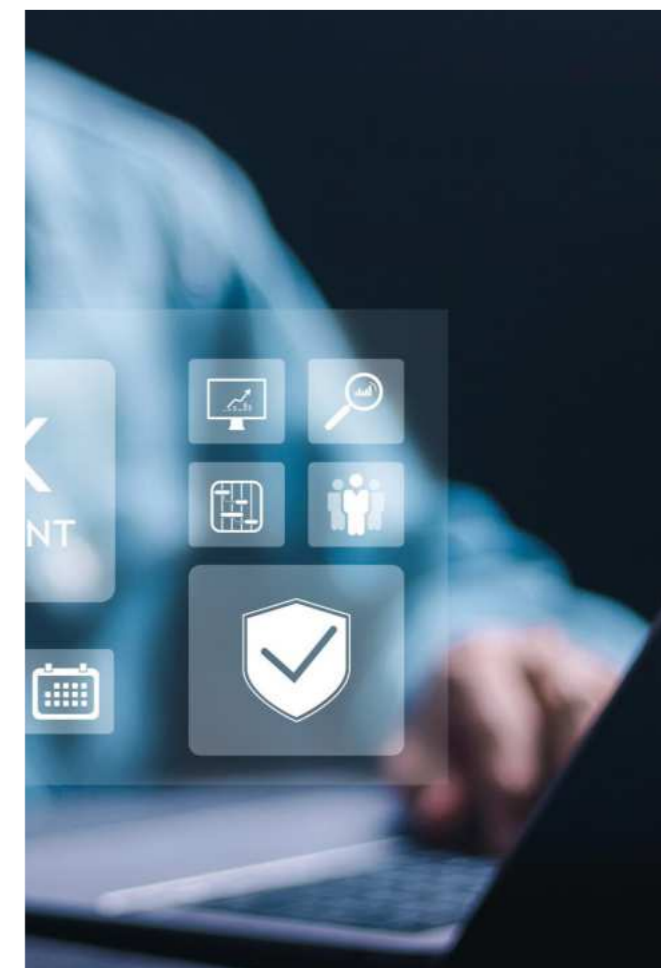




SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG



Rủi ro kinh tế

Nhìn chung, kinh tế thế giới năm 2024 ổn định hơn so với năm 2023, lạm phát liên tục giảm đạt mục tiêu so với kế hoạch của các ngân hàng trung ương. Tuy nhiên, năm 2024 vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro liên quan đến các xung đột chính trị ở các nước như chiến tranh Nga- Ukraina, (Biển Đỏ, Trung Đông), căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, chính sách bất ổn, điều kiện thời tiết khắc nghiệt, tuân thủ quy định nghiêm ngặt về phát triển bền vững ảnh hưởng dẫn đến hàng hóa ra vào trở nên khó khăn hơn. Theo Hội Nghị Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), dự báo kinh tế năm 2025 vẫn bị chịu áp lực bởi biến đổi khí hậu gay gắt dẫn đến giá lương thực tăng cao và chất lượng lương thực cũng bị gia giảm. Bên cạnh đó, Mỹ có thể gia tăng thuế nhập khẩu đối với hàng hóa từ Trung Quốc, là nguyên nhân gián tiếp tạo ra áp lực lên các quốc gia khác để ký các thỏa hiệp thương mại có lợi cho Mỹ, tình cờ tạo ra sự thay đổi lớn trong cách trao đổi hàng hóa trên toàn thế giới, đặc biệt là khu vực ở Châu Á.

Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều khó khăn và phức tạp thì Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung và không ngừng nâng tầm vị thế quốc tế. Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP cả năm 2023 ước tính khoảng 7,09%, duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 5,98%, quý II tăng 7,25%, quý III tăng 7,43%). Trong đó, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 đạt

mức tăng trưởng tích cực 2,37% mặc dù chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ; ngành nông nghiệp tăng 2,94% so với năm trước, chiếm phần lớn điểm phần trăm trong tổng khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản. Khu vực công nghiệp và xây dựng phục hồi tích cực, xếp vị trí thứ hai trong tổng ba khu vực đóng góp vào GDP, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp và ngành xây dựng tương đương là 8,32% và 7,87%, bên cạnh đó các hoạt động thương mại và du lịch vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định, ngành bán buôn và bán lẻ tăng 7,96%. Ngoài ra, năm 2024 tổng lượng xuất khẩu hàng hóa ra thị trường quốc tế tăng 14,3%, trong đó nhóm ngành chế biến thực phẩm và hàng hóa chiếm 88%. Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng, công ty vừa có cơ hội hội nhập phát triển kèm theo đó phải đối mặt với không ít thách thức trong bối cảnh kinh tế hiện tại. Để duy trì ổn định và thúc đẩy tăng trưởng, công ty cần nắm bắt các cơ hội và đưa ra những chiến lược phù hợp. Đồng thời tập trung tăng cường công tác quản trị tài chính, quản trị rủi ro, mở rộng các phân khúc, địa bàn hoạt động; tăng cường hợp tác đầu tư; cắt giảm chi phí; phát triển các dòng sản phẩm.



CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền tương lai được tính toán trong kế hoạch sẽ biến động do việc thay đổi tỷ giá. Năm 2024, tỷ giá biến động mạnh do ảnh hưởng của đồng USD. Điều này là do bị ảnh hưởng bởi những sự kiện kinh tế trong thời gian gần đây như đợt bầu cử Tổng thống Mỹ, các gói kích thích kinh tế của Trung Quốc và các căng thẳng địa chính trị khác. Tuy nhiên, so với các đồng tiền khác trong khu vực, VND vẫn duy trì được sự ổn định tương đối hơn, nhờ vào những biện pháp can thiệp của Ngân hàng Nhà nước. Cụ thể, NHNN đã bán USD từ dự trữ ngoại hối và phát hành tín phiếu ngắn hạn, giúp kiềm chế đà tăng của tỷ giá. Các sản phẩm của MCF không chỉ được tiêu thụ trong nước mà còn được xuất khẩu tới các thị trường ngách, do đó, những biến động của thị trường tài chính quốc tế, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, đã tạo ra áp lực đáng kể lên hoạt động kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro từ những biến động tỷ giá, Công ty đã chủ động xây dựng một kế hoạch tài chính chi tiết, chuẩn bị nguồn ngoại tệ dự trữ và thực hiện phân tích giá để kiểm soát rủi ro ở mức tối thiểu.

Rủi ro về pháp luật

Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (MECOFOOD) là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần và đã chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HNX. Chính vì vậy, mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của MECOFOOD phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm các văn bản quy định liên quan đến Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Bộ Luật Lao động, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Thương mại, Luật Kế toán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

Với lĩnh vực kinh doanh chủ lực là sản xuất lúa gạo và có các hoạt động xuất khẩu, Công ty cũng cần tuân thủ các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm không chỉ trong nước mà còn ở các thị trường quốc tế, nơi có khách hàng, đảm bảo sản phẩm lúa gạo không chứa các chất độc hại, hóa chất bảo vệ thực vật vượt quá giới hạn cho phép, cũng như tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn thực phẩm.

Bên cạnh đó, MECOFOOD đang tích cực tận dụng các chính sách ưu đãi, như việc được hỗ trợ vốn để mua gạo tích trữ khi giá xuống thấp, nhằm phát triển thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Để đảm bảo hoạt động kinh doanh tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật và giảm thiểu rủi ro pháp lý, Công ty thường xuyên cập nhật các thay đổi trong các bộ luật liên quan, đồng thời rà soát và điều chỉnh các quy chế, quy định quản lý nội bộ để phù hợp với pháp luật hiện hành.



Rủi ro cạnh tranh

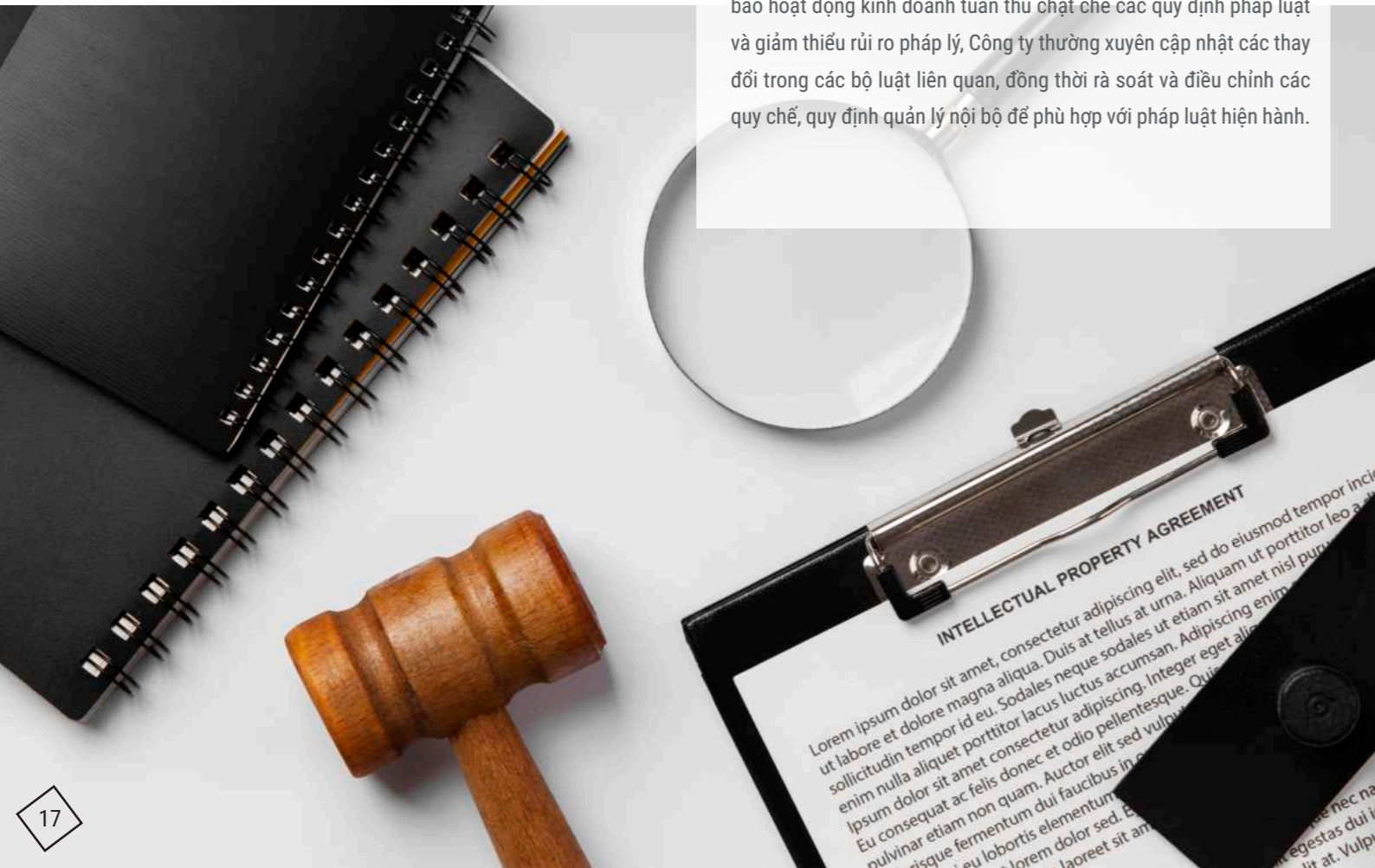
Lúa gạo tiếp tục khẳng định vị thế là ngành nông nghiệp mũi nhọn của Việt Nam, đóng vai trò then chốt trong sự phát triển kinh tế - xã hội quốc gia. Sự tăng trưởng của ngành kéo theo làn sóng đầu tư mạnh mẽ từ các doanh nghiệp trong nước, đồng thời sự gia nhập thị trường của nhiều doanh nghiệp mới tạo ra áp lực cạnh tranh đáng kể. Năm 2024 đánh dấu một cột mốc kỷ lục mới cho xuất khẩu gạo của Việt Nam, đạt mức 9 triệu tấn với giá trị 5,67 tỷ USD.

Tuy nhiên, MECOFOOD vẫn chưa khai thác tối đa tiềm năng từ các thị trường xuất khẩu lớn, nơi giá cả cạnh tranh là yếu tố quyết định. Chi phí sản xuất cao so với các đối thủ đang là một thách thức lớn, khiến giá bán sản phẩm của MECOFOOD kém cạnh tranh. Trong khi đó, các ngành hàng khác của Công ty như cơ khí, bê tông, thủ công mỹ nghệ và bao bì cũng đang đối mặt với tình trạng thị trường thu hẹp và nhu cầu tiêu thụ nội địa giảm sút, làm gia tăng áp lực cạnh tranh về giá.

Trước bối cảnh đầy thách thức này, Ban điều hành Công ty đã có những chỉ đạo kịp thời, vừa quyết liệt vừa linh hoạt, bám sát chủ trương định hướng của Tổng Công ty. MECOFOOD đang nỗ lực mở rộng thị trường cả trong và ngoài nước thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa danh mục sản phẩm.

Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Hiện tại, Mecofood đang kinh doanh sản xuất trên 05 ngành hàng gồm ngành hàng lương thực; ngành hàng Cơ khí; ngành hàng Bê tông; ngành hàng Thủ công Mỹ nghệ và ngành hàng Bao bì. Hầu hết nguyên liệu đầu vào của các ngành hàng đều được Công ty thu mua bên ngoài để cho quá trình chế biến sản xuất. Vì vậy rủi ro về nguyên liệu đầu vào là điều không thể tránh khỏi. Năm 2024 được ghi nhận là một năm đầy thành công của ngành lúa gạo khi nhu cầu tiêu thụ lúa gạo và giá gạo tăng cao. Tuy nhiên, đây lại là một thách thức lớn đối với công ty khi nguồn cung giảm do biến đổi khí hậu, dịch bệnh và sâu bệnh. Điều này dẫn đến giá lúa mua lại từ nông dân tăng cao, gây khó khăn cho việc thu mua nguyên liệu của công ty và các doanh nghiệp chế biến khác. Các ngành hàng như Bê tông, Thủ công Mỹ Nghệ và Bao bì đang đối mặt với sự tăng giá liên tục của nguyên liệu đầu vào như xi măng, cát, đá, hạt nhựa, cùng với biến động giá nguyên vật liệu và cạnh tranh gay gắt về giá mua. Sự mất cân đối cung cầu và đứt gãy chuỗi cung ứng trong và ngoài nước đã làm gia tăng chi phí sản xuất, gây khó khăn cho các doanh nghiệp, làm giảm lợi nhuận và thậm chí có thể dẫn đến thua lỗ. Để hạn chế những thiệt hại, Công ty chủ động theo dõi thị trường và nắm bắt thông tin để quản lý rủi ro giá nguyên vật liệu hiệu quả. Đồng thời, Công ty cần lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp lý để phù hợp với tình hình hiện tại, giúp đảm bảo hoạt động liên tục và tối ưu hóa lợi nhuận.

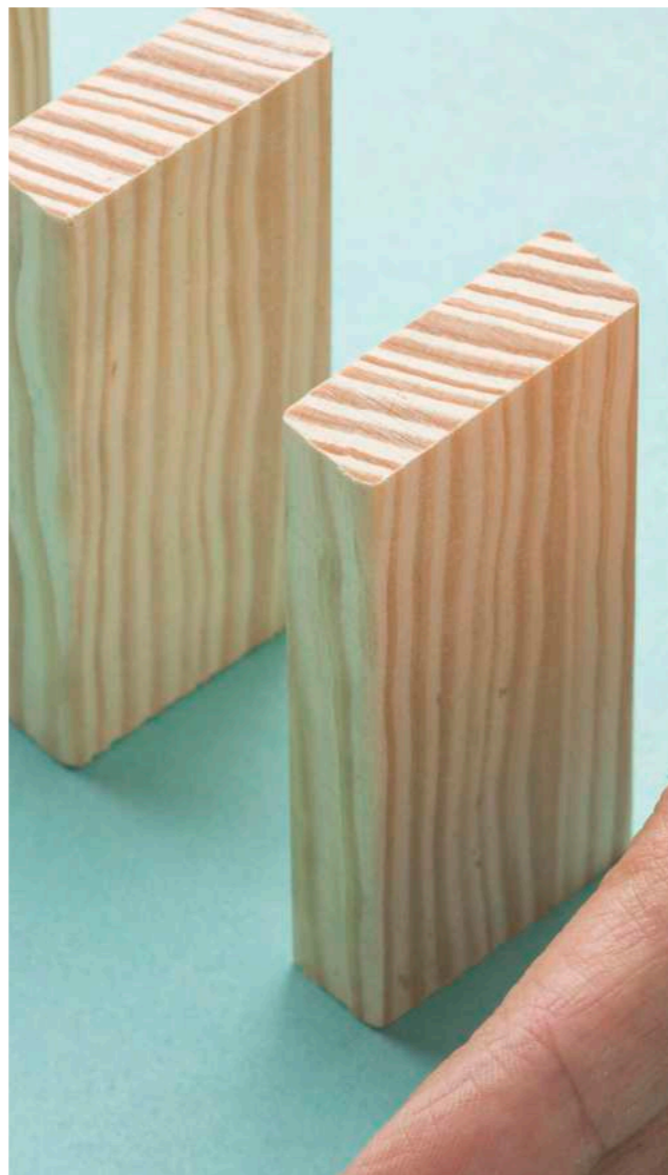


CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)



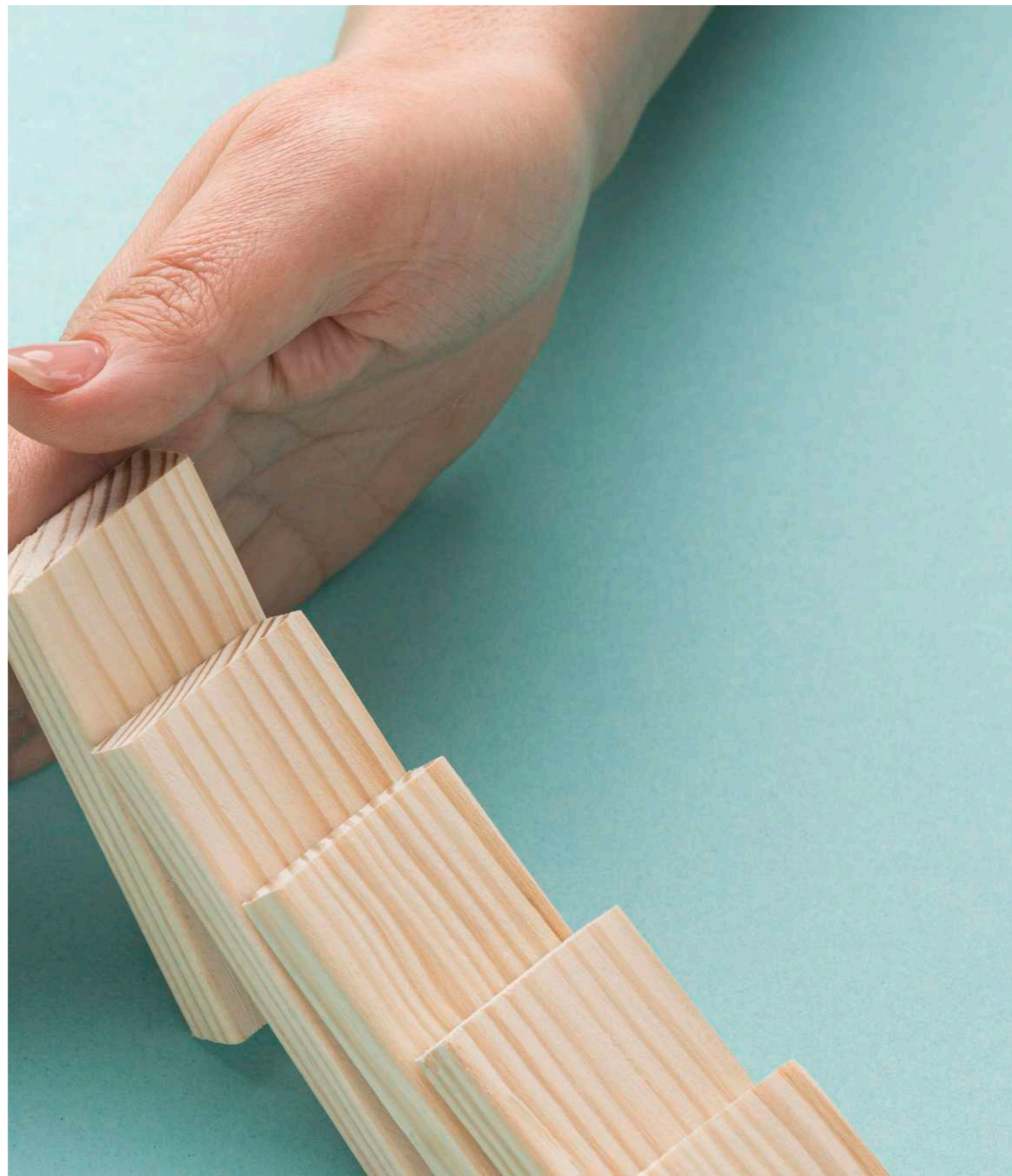
Rủi ro lãi suất

Năm 2024, thị trường các nền kinh tế lớn nói chung và Việt Nam nói riêng đã chứng kiến “mùa hạ lãi suất” nhờ vào việc áp dụng các chính sách tiền tệ nới lỏng. Với mục tiêu chính là ổn định lạm phát và kích thích tiêu dùng và đầu tư. Xu hướng này có khả năng kéo dài đến đầu năm 2025 để hỗ trợ các doanh nghiệp duy trì hoạt động, đồng thời mở đường cho việc tăng trưởng kinh tế toàn cầu trở lại. Đến cuối năm 2024, mức lãi suất huy động trung bình cho kỳ hạn 12 tháng của toàn bộ hệ thống ngân hàng đạt 5,1%, cao hơn 0,2% so với đầu năm. Theo nguồn thông tin Ngân Hàng Nhà Nước, tăng trưởng tín dụng đạt 15,08% tăng cao so với mục tiêu đề ra, cho thấy nhu cầu vay vốn lớn hơn khả năng cho vay của ngân hàng, buộc họ phải tăng lãi suất huy động để thu hút lượng tiền gửi của người dân, toàn hệ thống ngân hàng được kỳ vọng đạt 7,9% cho cả năm 2024. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trở lại, các tổ chức tín dụng và ngân hàng thương mại tích cực hạ lãi suất cho vay, theo báo cáo lãi suất của các NHTM mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục giảm khoảng 0,96%/năm, đáp ứng nhu cầu vốn và khuyến khích sự phát triển của đa dạng hóa các lĩnh vực trong nền kinh tế.



Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập, Công ty còn phải đối mặt với các rủi ro bất khả kháng do các yếu tố bên ngoài như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, và biến động chính trị, xã hội. Đây là những rủi ro có thể xảy ra một cách bất ngờ và tiềm ẩn nguy cơ gây tổn thất đến tính mạng, sức khỏe của con người, cũng như tài sản và hoạt động sản xuất của Công ty. Mặc dù không thể loại bỏ hoàn toàn những rủi ro này, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa như bảo hiểm, đào tạo và nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên về an toàn lao động và phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên cập nhật thông tin và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến cứu nạn, cứu hộ, sơ tán và phòng tránh thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, nhằm chủ động ứng phó và giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024			SO CÙNG KỲ 2023 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	446,454	572,529	494,134	86,31	110,68
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,901	14	12,528	89,49	90,12
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5,023	Theo QĐ	5,278	-	105,08
4	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8,667	8,85	9,616	108,65	101,64

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NGÀNH HÀNG

STT	Ngành hàng	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024			So cùng kỳ 2023 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH	
I Mua vào							
1	Lương thực (quy gạo)	Tấn	23.094	34.000	26.653	78,39%	115,41%
II Bán ra							
1	Lương thực bán ra	Tấn	25.294	34.000	22.440	66,00%	88,72%
	Trong đó: + Xuất khẩu	Tấn	3.519	6.000	3.438		
	+ Gạo Nội địa	Tấn	21.775	28.000	19.002		
2	Bao bì	1.000 cái	3.748	7.000	5.466	78,09%	143,84%
3	Cơ khí	Tỷ đồng	22	25	26	104%	118,18%
4	Bê tông - VLXD	m ³	37.760	60.000	42.657	71,10%	112,97%
5	Mỹ nghệ	Con't	12,5	20	12,5	62,50%	100,00%

ĐÁNH GIÁ TỪNG MẶT HÀNG

Mặt hàng lương thực

Mặt hàng lương thực năm 2024 số lượng bán ra 22.440 tấn đạt 66,00% so với kế hoạch (22.440 tấn/34.000 tấn), đạt 88,72% so với cùng kỳ 2023. Mặc dù sản lượng bán ra trong năm 2024 đạt được 66,00% so với kế hoạch nhưng đây là ngành hàng mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty. Đạt được kết quả trên là do làm tốt công tác thu mua, ngay từ đầu năm 2024 Công ty luôn nắm bắt tình hình thị trường chọn thời điểm mua vào gạo nguyên liệu giá thấp nên khi chế biến bán ra cho khách hàng đều có lãi. Đây là ngành hàng mang lại lợi nhuận chính cho công ty trong năm 2024.



Ngành hàng cơ khí

Mặt hàng cơ khí năm 2024 doanh số là 26 tỷ đồng (bao gồm: doanh thu thực hiện năm 2024 là 15,772 tỷ đồng và phần vi phạm hợp đồng của Công ty CP chế biến nông sản xuất khẩu Sài Gòn Việt Hưng đã đồng ý hòa giải và đã thanh toán cho Công ty CP Xây lắp cơ khí và lương thực thực phẩm theo quyết định số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 16/02/2024 của Tòa án Nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là 10,6 tỷ đồng) đạt 104% so với kế hoạch (26 tỷ đồng/25 tỷ đồng), đạt 118,18% so với cùng kỳ năm 2024. Trong năm 2024 ngành hàng cơ khí không có hợp đồng lớn chủ yếu là sửa chữa, cải tạo, nâng cấp dây chuyền máy móc thiết bị trong hệ thống Tổng công ty và các đơn vị tư nhân bên ngoài nên doanh thu thấp, hiệu quả mang lại không nhiều. Chủ yếu là tạo công ăn việc làm cho người lao động và bù đắp chi phí để duy trì sản xuất cho ngành hàng này chờ cơ hội phát triển. Tuy nhiên doanh thu và lãi gộp trong năm 2024 của mặt hàng cơ khí tăng mạnh là do có khoản thu nhập từ vi phạm một phần hợp đồng phát sinh năm 2014 của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn đã đồng ý hòa giải và đã thanh toán cho Công ty.



Ngành hàng Bê tông – VLXD

Mặt hàng Bê tông năm 2024 sản lượng bán ra 42.657 m³ đạt 71,10% so với kế hoạch (42.657 m³/60.000m³), đạt 112,97 % so với cùng kỳ 2023. Mặt hàng bê tông kinh doanh gặp nhiều khó khăn do tình hình chung, hầu hết các công trình xây dựng công đều tạm dừng khởi công hoặc hoạt động cầm chừng, Công ty tập trung tiếp thị vào các công trình tư nhân và nhà dân, đường nông thôn nên sản lượng bán ra rất thấp nên lợi nhuận mang lại của ngành hàng này rất thấp.



Ngành hàng bao bì – Mỹ nghệ

Mặt hàng bao bì năm 2024 số lượng bán ra 5,466 triệu cái đạt 78,09 % so với kế hoạch (5,471 triệu chiếc/7 triệu chiếc), đạt 145,84 % so với cùng kỳ 2023, đạt được kết quả trên là do trong năm 2024 Công ty thực hiện các hợp đồng cung cấp bao bì cho các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng công ty và các đơn vị tư nhân bên ngoài sản lượng trong năm 2024 tăng lên đáng kể so với cùng kỳ năm 2023. Tuy nhiên hiệu quả kinh doanh của ngành hàng này mang lại thấp do có sự cạnh tranh rất lớn về giá từ các đơn vị tư nhân bên ngoài. Công ty phải giảm giá rất sát mới bán được hàng.

Mặt hàng Mỹ nghệ năm 2024 xuất bán 12,5 con't đạt 62,5% so với kế hoạch (12,5 cont/20 cont), đạt 100% so với cùng kỳ 2023. Ngành hàng này hiện nay không còn mang lại hiệu quả cho công ty bởi các yếu tố giá nguyên liệu ngày càng tăng và kho thu mua, nhân công khó thu tuyển, sản lượng tiêu thụ giảm dần qua các năm. Hiện công ty đã làm phương án để tạm ngưng sản xuất kinh doanh ngành hàng này và đã được Tổng công ty, HĐQT công ty thông qua.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Trường Sơn	Tổng giám đốc	1.239	0,011%
2	Ông Nguyễn Bình Hiến	Phó tổng giám đốc	1.114.148 (*)	10,34%
3	Ông Nguyễn Minh Phục	Phó tổng giám đốc	2.978	0,03%
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Phụng	Kế toán trưởng	404 (*)	0,00%

THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Không có

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG LÊ TRƯỜNG SƠN

Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 10/02/1963
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.239 cổ phiếu, chiếm 0,011% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG NGUYỄN MINH PHỤC

Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 12/11/1968
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.978 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG NGUYỄN BÌNH HIẾN

Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 23/07/1964
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.114.148 cổ phiếu, chiếm 10,34% vốn điều lệ.
- Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 36.348 cổ phiếu, chiếm 0,34% vốn điều lệ.
- Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 1.077.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ (đại diện Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:
Đặng Thị Bé Chính: 4.041 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ.

BÀ NGUYỄN THỊ THANH PHỤNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ngày sinh: 15/12/1988
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 404 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	243	100,00%
1	Trình độ đại học, cao đẳng	60	24,69%
2	Trình độ trung cấp	57	23,45%
3	Công nhân kỹ thuật	110	45,26%
4	Lao động phổ thông	16	6,60%
II	Theo loại hợp đồng lao động	243	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	198	81,48%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	24	9,88%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	21	8,64%
III	Theo giới tính	243	100,00%
1	Nam	159	65,43%
2	Nữ	84	34,57%

* Trong đó có 203. người là lao động thường xuyên trong danh sách đến 31/12/2024.

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA LAO ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2023	2024
Tổng số lượng người lao động (người)	311	243
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	8,667	9,616

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về tuyển dụng

Nhân sự giữ vai trò quan trọng và thiết yếu trong mọi doanh nghiệp. Do đó, công ty luôn tập trung vào việc xây dựng một đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, nhằm thúc đẩy sự phát triển của công ty thông qua các chính sách tuyển dụng cụ thể như sau:

- Ưu tiên tuyển dụng những cá nhân có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Xây dựng chính sách tuyển dụng dựa trên nhu cầu cụ thể của từng vị trí.
- Đảm bảo một môi trường tuyển dụng công bằng, không phân biệt đối xử dựa trên giới tính, tuổi tác, dân tộc, tôn giáo hay bất kỳ tiêu chí cá nhân nào khác không liên quan đến năng lực công việc
- Ưu tiên tuyển dụng những ứng viên đáp ứng được yêu cầu về sức khỏe và an toàn lao động, đặc biệt là trong môi trường sản xuất nông nghiệp có thể tiềm ẩn rủi ro.



Về đào tạo

Đào tạo nhân sự là một trong những chính sách hàng đầu mà MECOFOOD tập trung phát triển. Công ty áp dụng nhiều hình thức đào tạo đa dạng, phù hợp với các lộ trình, định hướng và đối tượng khác nhau. Chương trình đào tạo cho nhân viên mới được thiết kế để giúp họ nhanh chóng làm quen với văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc và các kỹ năng nghề nghiệp cụ thể. Qua đó, công ty có thể tìm kiếm và sàng lọc những cá nhân có năng lực và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn và nhu cầu phát triển của thể hệ nhân sự mới. Đối với chính sách đào tạo nội bộ, công ty chủ yếu tập trung vào việc nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn và nhận thức của đội ngũ cán bộ, công nhân viên, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng dịch vụ của MECOFOOD





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về môi trường làm việc

Môi trường làm việc là yếu tố quan trọng giúp định hình đặc trưng của mỗi doanh nghiệp và ảnh hưởng đến sự lựa chọn của người lao động. MECOFOOD đặt ra các mục tiêu rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc, đảm bảo quyền lợi cho nhân viên. Công ty xây dựng một môi trường làm việc lành mạnh, thoải mái và chuyên nghiệp, tạo cảm hứng cho nhân viên và thu hút những người có năng lực gắn bó lâu dài. Hơn nữa, MECOFOOD luôn khuyến khích ý kiến đóng góp và sáng kiến từ người lao động để phát triển công ty, đồng thời tôn trọng và bảo đảm quyền lợi công bằng cho tất cả nhân viên.



Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Người lao động ký hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật. Hàng tháng, họ nhận lương dựa trên tiêu chuẩn chấm công của công ty, phù hợp với kết quả làm việc. Đối với những nhân viên làm việc trong điều kiện nặng nhọc hoặc độc hại, công ty sẽ cung cấp bữa ăn giữa ca, trang bị đồ bảo hộ an toàn và đảm bảo họ nhận được thù lao tương xứng với công việc của mình.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm 2024 Công ty đã thực hiện đầu tư các hạng mục cấp thiết phát sinh tổng giá trị chưa bao gồm VAT là 1.772.370.825 đồng trong đó:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch Đầu tư - XDCB 2024 được duyệt	Tổng mức đầu tư năm 2024	Ghi chú
I	Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí	3.850.000.000		
1	Máy cắt kim loại CNC (VN, mới 100%): 1 máy	550.000.000		Năm 2023 chuyển sang
2	Xe trộn bê tông (TQ, mới 100%): 2 chiếc	3.300.000.000		
II	Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm	4.730.000.000	1.040.179.916	
1	Hệ thống bồn chứa thành phẩm (Dc máy 3 - PX1)	2.000.000.000		Năm 2023 chuyển sang
2	Hồ chứa nước PCCC	550.000.000		Thực hiện xong năm 2023
3	Nâng nền kho PX 1	1.210.000.000	161.712.452	Năm 2023 chuyển sang
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý bụi các dây chuyền máy tại PX1	970.000.000	821.467.464	Năm 2023 chuyển sang
5	Cân băng tải CBS01- Trạm KD CBLT Cao Lãnh		57.000.000	Nghị quyết số 13/NQ-MCF-HĐQT ngày 02/05/2024
III	Văn phòng công ty		732.190.909	
1	Xe Toyota Innova 8 chỗ BKS: 62A 396.67		732.190.909	Nghị quyết số 07/NQ-MCF-HĐQT ngày 20/03/2024
TỔNG CỘNG		8.580.000.000	1.772.370.825	



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	169.335.200.991	195.125.015.315	115,23%
2	Doanh thu thuần	443.846.689.702	480.125.601.327	108,17%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.209.066.721	1.926.168.120	15,78%
4	Lợi nhuận khác	1.691.850.013	10.601.904.939	626,65%
5	Lợi nhuận trước thuế	13.900.916.734	12.528.073.059	90,12%
6	Lợi nhuận sau thuế	10.863.544.809	9.654.232.940	88,87%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	12%	Dự kiến 6,5%	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

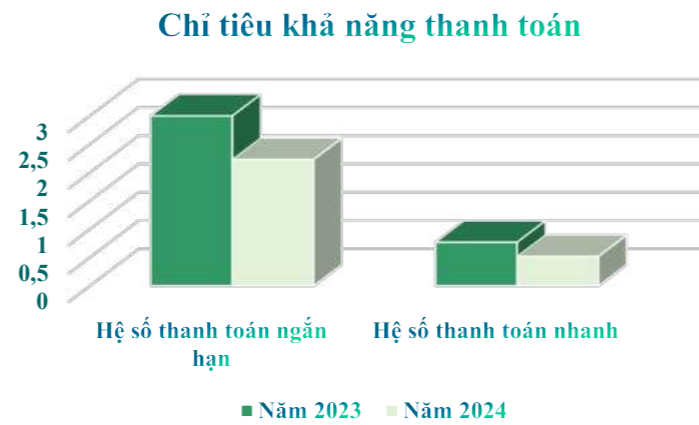
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,00	2,23
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,77	0,52
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	26,92	39,37
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	36,83	64,94
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,68	3,78
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,45	2,63
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,45	2,01
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,78	8,16
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,42	5,30
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,75	0,40

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

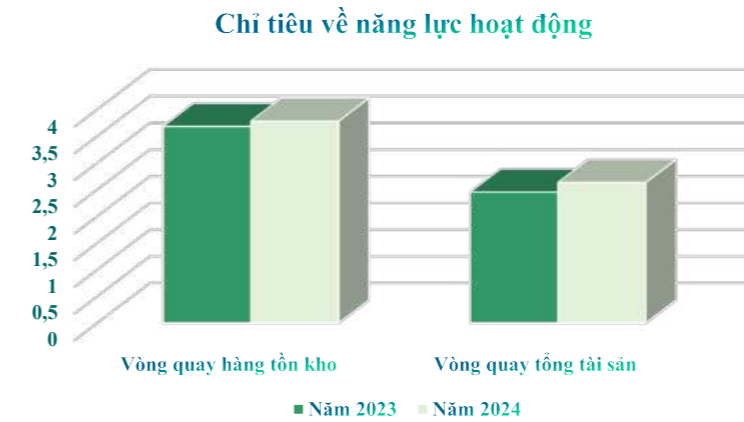
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Trong năm 2024, hệ số thanh toán hiện hành của Công ty đạt 2,23, giảm so với mức 3,00 của năm 2023, cho thấy sự điều chỉnh trong cơ cấu tài sản và nợ. Hệ số thanh toán nhanh cũng ghi nhận xu hướng giảm nhẹ, từ 0,77 năm 2023 xuống còn 0,52 năm 2024, chủ yếu do sự gia tăng của các khoản vay ngắn hạn. Tuy nhiên, các chỉ tiêu khả năng thanh toán vẫn duy trì hệ số này ở mức lớn hơn 1 trong suốt các năm qua, thể hiện sự ổn định và khả năng thanh toán tốt các khoản nợ ngắn hạn của Công ty, tạo sự an tâm cho các nhà đầu tư và đối tác.



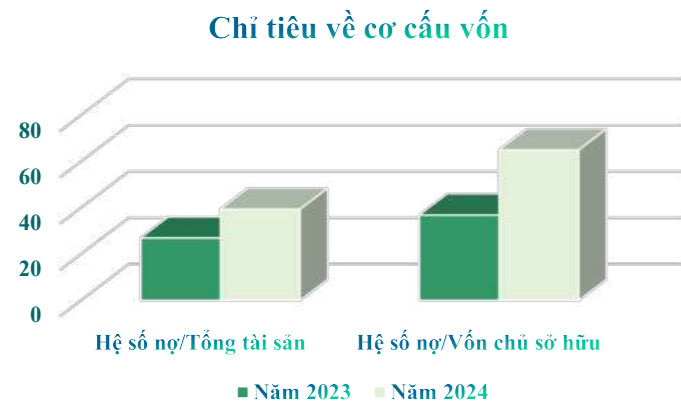
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Năm 2024, vòng quay hàng tồn kho là 3,78 vòng, có sự thay đổi so với mức 3,39 vòng năm 2023. Điều này một phần do ảnh hưởng từ xu hướng tăng giá gạo trên thị trường. Tuy nhiên, phần lớn các hàng hóa này đã có hợp đồng tiêu thụ, đảm bảo đầu ra ổn định cho Công ty.

Năm 2024, vòng quay tổng tài sản đạt 2,63 vòng, có sự điều chỉnh so với mức 2,45 vòng năm 2023. Điều này chủ yếu do sự tăng trưởng của Doanh thu thuần trong năm 2024, khi tình hình giá gạo trong nước biến động.

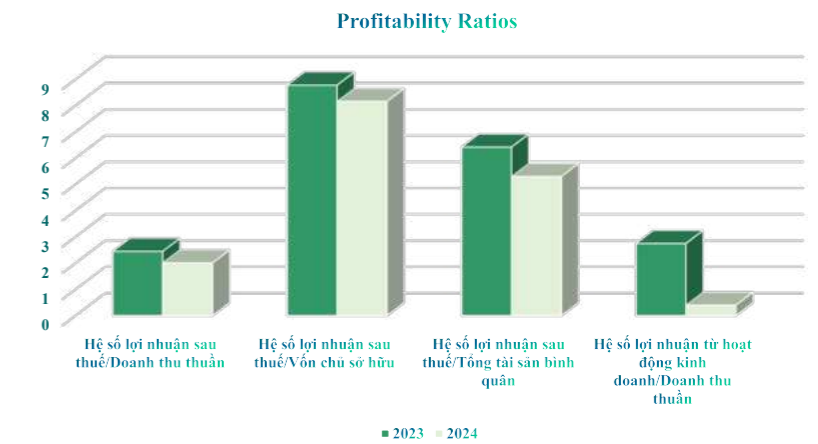
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Về cơ cấu vốn, việc tăng cường vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động đã dẫn đến những thay đổi đáng kể trong các chỉ tiêu cơ cấu vốn. Cụ thể, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản đã tăng từ 26,92% năm 2023 lên 39,37% năm 2024, trong khi tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 36,83% lên 64,94% trong cùng kỳ. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu ghi nhận mức giảm nhẹ do Công ty trích lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2023. Những biến động này phản ánh sự điều chỉnh trong chính sách tài chính của Công ty, đồng thời củng cố niềm tin của các bên liên quan vào khả năng tài chính của doanh nghiệp.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Tình hình giá gạo tăng khá cao trong năm dẫn đến biên lợi nhuận của Công ty có phần suy giảm. Các chỉ tiêu về lợi nhuận đều ghi nhận sự điều chỉnh so với năm trước. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đã và đang chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm thích ứng với tình hình mới, hướng tới mục tiêu duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong năm 2025.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

VỐN ĐIỀU LỆ:

107.778.380.000 đồng

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- Các chứng khoán khác: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ phần	Số lượng Cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước	605	10.777.838	107.778.380.000	100,00%
1	Cổ đông nhà nước	1	6.466.800	64.668.000.000	60,00%
2	Cổ đông tổ chức	1	67.525	675.250.000	0,63%
3	Cổ đông cá nhân	592	4.086.199	40.861.990.000	37,91%
II	Cổ đông nước ngoài	605	10.777.838	107.778.380.000	100,00%
1	Cổ đông tổ chức	3	20.769	207.690.000	0,19%
2	Cổ đông cá nhân	8	136.545	1.365.450.000	1,27%
III	Cổ phiếu quỹ	0	-	-	0,00%
Tổng cộng		605	10.777.838	107.778.380.000	100,00%

Tại ngày 29/05/2024

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	6.466.800	60,00%

Tính đến ngày 29/05/2024

M

C

F

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

10.777.838 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

10.777.838 cổ phiếu

Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng

Số lượng cổ phiếu quỹ

0 cổ phiếu



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm của Công ty

Ngành hàng bao bì và thủ công mỹ nghệ

STT	Nhu cầu sử dụng	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1	Hạt nhựa nguyên sinh	Tấn	362	409,225
2	Lúa tươi	Tấn	1.229	249,51
3	Taical, hạt màu	Tấn	139	125,192
4	Rơm khô	Tấn	66	106,86
5	Dầu nhớt	Lít	1.400	4.400

Ngành hàng cơ khí, bê tông tươi và VLXD

STT	Nhu cầu sử dụng	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1	Sắt	Tấn	91.7	49
2	Sơn	Kg	108	1.900
3	Dầu lửa	Lít	120	158
4	Đá 1x2	Tấn	69.000	58.500
5	Cát hạt to	m3	31.800	18.881
6	Xi măng	Tấn	19.000	13.100
7	Chống thấm	Lít	287	0
8	Phụ gia Mira 188HD	Lít	188.700	116.000

Ngành hàng gạo

STT	Nhu cầu sử dụng	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1	Gạo	Tấn	21.000	31.000
2	Dầu nhớt	Lít	350	270

Nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm



Ngành hàng bao bì

Sản phẩm bao bì dệt lõi, rìa bao bì được gom lại bán cho các cơ sở thu mua.



Ngành hàng cơ khí bê tông và VLXD

Nguyên liệu dư thừa từ quá trình cắt gọt kim loại được gom lại và bán cho các cơ sở thu mua.



Ngành hàng lương thực

Do đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh nên ngành lương thực không có nguyên vật liệu được tái chế sử dụng.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Nguồn năng lượng chủ yếu Công ty sử dụng là điện. Nguồn điện Công ty sử dụng từ lưới điện quốc gia trong năm 2024, Công ty sử dụng cho sản xuất và hoạt động văn phòng khoảng 1.956.797 kw/năm cụ thể:

- Văn phòng công ty: 92.110 kw/năm
- Xí nghiệp Xây lắp cơ khí: 152.020 kw/năm
- Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm: 665.567 kw/năm
- Xí nghiệp Bao bì và Thủ công mỹ nghệ: 1.047.100 kw/năm

TIÊU THỤ NƯỚC (MỨC TIÊU THỤ NƯỚC CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2024)

Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ

Hiện tại, nguồn nước xí nghiệp sử dụng lấy từ giếng khoan trong khuôn viên và nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung, với lưu lượng sử dụng trong năm 2024 là khoảng 1.035 m³/năm.

Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp. Nhu cầu sử dụng khoảng 13.728 m³/năm. Chủ yếu là dùng để trộn bê tông tươi và một phần cho sinh hoạt hằng ngày của CBCNV Xí nghiệp.

Xí nghiệp Lương thực thực phẩm

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp. Nhu cầu sử dụng khoảng 1.439 m³/năm. Chủ yếu dùng sử dụng cho sinh hoạt vệ sinh hàng ngày của CBCNV của Xí nghiệp.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty CP Xây Lắp – Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm luôn tuân thủ nghiêm ngặt Luật bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật hiện hành. Hàng năm, công ty hợp tác với các đơn vị tư vấn môi trường để thực hiện việc đo đạc và phân tích chất lượng môi trường tại các xí nghiệp trực thuộc. Mục tiêu là kiểm soát ô nhiễm, khắc phục những vấn đề tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường, và tìm ra các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.

Xí nghiệp Lương thực thực phẩm

Lượng bụi và khí thải phát sinh tại các xí nghiệp có ảnh hưởng lớn đến công suất và sức khỏe của công nhân. Vì vậy, công ty đã thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của bụi đến công nhân trong quá trình sản xuất, đồng thời bảo vệ sức khỏe của họ thông qua các biện pháp sau:

- Thiết kế nhà xưởng tuân thủ quy định về xây dựng công nghiệp, đảm bảo đủ thông thoáng.
- Lắp đặt hệ thống thông gió phù hợp cho không gian làm việc.
- Cung cấp trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, bao gồm bao tay, khẩu trang, nút chống ồn, dép nhựa, yếm che và nón bảo hộ.
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên nhằm giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp.
- Thường xuyên kiểm tra việc quét dọn vệ sinh nhà xưởng.
- Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường.
- Các phương tiện giao thông di chuyển trong xí nghiệp phải tuân thủ tốc độ quy định và được che phủ kỹ lưỡng.



Tiếng ồn, độ rung

Dù các nguồn phát sinh tiếng ồn trong quá trình sản xuất của công ty không đáng kể, công ty vẫn áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa mức độ gây ồn, nhằm bảo vệ sức khỏe của công nhân lao động:

- Tách biệt khu vực sản xuất với văn phòng làm việc.
- Thường xuyên kiểm tra sự cân bằng của máy móc trong quá trình vận hành, theo dõi độ mòn của các chi tiết và định kỳ bôi trơn, đặc biệt là các bộ phận truyền động.
- Khi phát hiện máy móc có bộ phận bị mòn, nhân viên kỹ thuật sẽ kịp thời thay thế và sửa chữa.
- Liên tục thực hiện đo đạc và giám sát mức độ ồn của các thiết bị, để có biện pháp khắc phục ngay khi cần thiết.
- Đúc móng máy với khối lượng bê tông đạt tiêu chuẩn cao, tăng chiều sâu móng và đào rãnh đổ cát khô nhằm giảm rung động từ mặt nền.
- Kiểm tra độ mài mòn của các chi tiết và thực hiện bôi trơn định kỳ hoặc thay thế các chi tiết hư hỏng.
- Công nhân được trang bị đầy đủ nút chống ồn.
- Thiết lập kế hoạch kiểm tra và giám sát chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

Các biện pháp khống chế nhiệt thừa

Để giảm thiểu tác động của nhiệt thừa và đảm bảo môi trường vi khí hậu thuận lợi cho công nhân vận hành máy móc, các xí nghiệp đã triển khai các biện pháp sau:

- Thiết kế nhà xưởng cao ráo và thông thoáng, đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật và phù hợp với công nghệ sản xuất.
- Bố trí cửa thông gió quanh tường các xưởng hoặc sử dụng quạt gió trực đứng để tăng cường lưu thông không khí trong khu vực sản xuất.
- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty, đảm bảo rằng diện tích cây xanh chiếm ít nhất 15% tổng diện tích đất.
- Cung cấp đầy đủ trang phục an toàn lao động cho công nhân, nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực. Trang phục này bao gồm quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, nón bảo hộ, yếm che, khẩu trang, găng tay và nút chống ồn.

Tóm lại, việc giảm thiểu tác động của nhiệt thừa và cải thiện môi trường vi khí hậu là rất quan trọng. Một môi trường vi khí hậu không tốt không chỉ ảnh hưởng đến công nghệ sản xuất và chất lượng sản phẩm, mà còn tác động đến công sức lao động của công nhân. Điều kiện làm việc nóng bức và nhiều bụi không chỉ gây hại cho sức khỏe mà còn làm giảm năng suất lao động của họ.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Biện pháp khống chế ô nhiễm do nước thải ô nhiễm do nước thải

Nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.
- Nước mưa chảy tràn trên các tuyến đường giao thông nội bộ và sân,.. được lọc rác lớn bằng các tấm lưới thép hoặc song chắn rác tại các hố ga trước khi được dẫn đến nguồn tiếp nhận.
- Nước mưa từ mái các nhà xưởng sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt

- Phát sinh chủ yếu từ nhu cầu sử dụng nước của CBNV như: vệ sinh cá nhân, rửa tay,... Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm dưới đất. Nước thải sau xử lý sẽ được lưu thông trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng rồi mới chuyển qua ngăn lọc và dẫn vào hệ thống chung của khu vực.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh các âu tiêu, nước tắm, rửa được thu gom và dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại 3 ngăn là loại bể chứa gồm 1, 2, 3 ngăn. Bể này có thể xử lý toàn bộ các loại nước phân, tiểu. Khi nước thải chảy vào bể nó được làm sạch nhờ 2 quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn, sau đó chảy qua ngăn thứ 3 trước khi đến bể lắng, hố ga sau đó thoát ra cống thoát chung.

Nước thải sản xuất

Do tính chất của ngành sản xuất, hoạt động của công ty không phát sinh nước thải từ sản xuất, chỉ có một lượng nhỏ nước thải vệ sinh từ phân xưởng, và lượng nước thải này rất ít và không thường xuyên. Tuy nhiên, ngành sản xuất bê tông tươi của công ty có phát sinh nước thải sản xuất, nhưng nước thải này được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải. Sau khi được xử lý, nước thải sẽ được tái sử dụng.



Biện pháp khống chế ô nhiễm do chất thải rắn

Đối với chất thải rắn thông thường

Để giảm thiểu ô nhiễm từ chất thải rắn thông thường, công ty đã triển khai một số biện pháp quản lý sau đây:

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, chia làm 2 nhóm chính:
 - » Nhóm các chất có thể thu hồi để tái sử dụng: các loại phế phẩm như bao bì, giấy carton, chai lọ, vỏ chai..)
 - » Nhóm các chất thải cần xử lý: Các chất thải hữu cơ dễ phân hủy như rau và thực phẩm thừa được phân loại riêng để thu gom và xử lý theo quy định. Những chất thải rắn khác không thể tái sử dụng sẽ được thu gom và quét dọn hàng ngày, đồng thời được lưu trữ theo đúng quy định;
- Công ty thường xuyên tổ chức giáo dục nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho toàn bộ nhân viên và đã ban hành các quy định về bảo vệ môi trường để thực hiện;
- Các loại chất thải rắn thải sinh hoạt phát sinh tại các Xí nghiệp và văn phòng Công ty đã được chúng tôi hợp đồng với Công ty Công trình Đô Thị thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Để ngăn chặn tình trạng vứt rác bừa bãi, công ty đã lắp đặt các thùng rác tại các khu vực xung quanh;



Đối với chất thải rắn sản xuất

Trong quá trình hoạt động, xí nghiệp đã thực hiện các biện pháp quản lý chất thải rắn sản xuất như sau:

- Rìa bao, dây nylon, chỉ may, kim loại vụn được thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua.
- Rơm khô bỏ ra từ quá trình lựa lúa, cắt tỉa sản phẩm được thu gom bán các hộ dân chăn nuôi gia súc.
- Lượng còn lại không bán được thì thu gom lại cùng với rác thải sinh hoạt.
- Đối với chất thải rắn nguy hại:
- Hình thức lưu trữ được thực hiện trong các thùng chứa kín có nắp đậy, có gắn dấu hiệu cảnh báo và không để lẫn với các loại chất thải khác.
- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại công ty rất ít. Đối với bóng đèn huỳnh quang và giẻ lau dính dầu thải, công ty sẽ thu gom riêng và lưu trữ ở nơi riêng biệt có dán nhãn. Định kỳ 6 tháng, công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng để vận chuyển, thu gom và xử lý theo đúng quy định.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Biện pháp phòng chống các sự cố môi trường

- Công ty đã trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, bao gồm hệ thống báo cháy điện tử tự động, và có kế hoạch PCCC cùng với việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan.
- Bố trí các dụng cụ: bình chữa cháy, các họng cứu hỏa, bể chứa nước... ở các vị trí hợp lý để ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra.
- Phối hợp với Công an PCCC lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho người lao động, tổ chức các đợt huấn luyện và diễn tập cho công nhân của Công ty.
- Công ty cũng thành lập một đội PCCC gồm 5 tổ chữa cháy, cứu thương và vận chuyển để ứng phó khi có tình huống cháy, nổ xảy ra.
- Bảo quản các nguyên vật liệu, sản phẩm an toàn, tránh xa nguồn có khả năng gây nổ.
- Kiểm tra biển báo, biển cấm lửa, hệ thống báo cháy tự động, nội quy PCCC.
- Lắp hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng.
- Ngoài các biện pháp phòng chống cháy nổ như trên, Công ty cũng thực hiện các biện pháp sau để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.
- Tất cả công nhân đều được đào tạo về an toàn lao động.
- Các dụng cụ an toàn lao động cũng được trang bị cho công nhân trong quá trình sửa chữa và bảo trì thiết bị.
- Kiểm tra và theo dõi sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Các yếu tố vi khí hậu và điều kiện làm việc được đảm bảo đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.
- Công ty kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm để đạt tiêu chuẩn quy định, nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Tổng số CNV lao động là 243 người.
- Thu nhập bình quân năm 2024 của Công ty là 9,616 triệu đồng/người/tháng.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho CBCNVLĐ; thực hiện chế độ trợ cấp độc hại cho công nhân làm việc trong môi trường độc hại, bệnh nghề nghiệp; chăm lo đời sống người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp tết cổ truyền và các ngày lễ lớn trong năm.

Đồng thời, Công ty xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cấp bảo hộ lao động trong toàn Công ty; Tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đo môi trường lao động.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

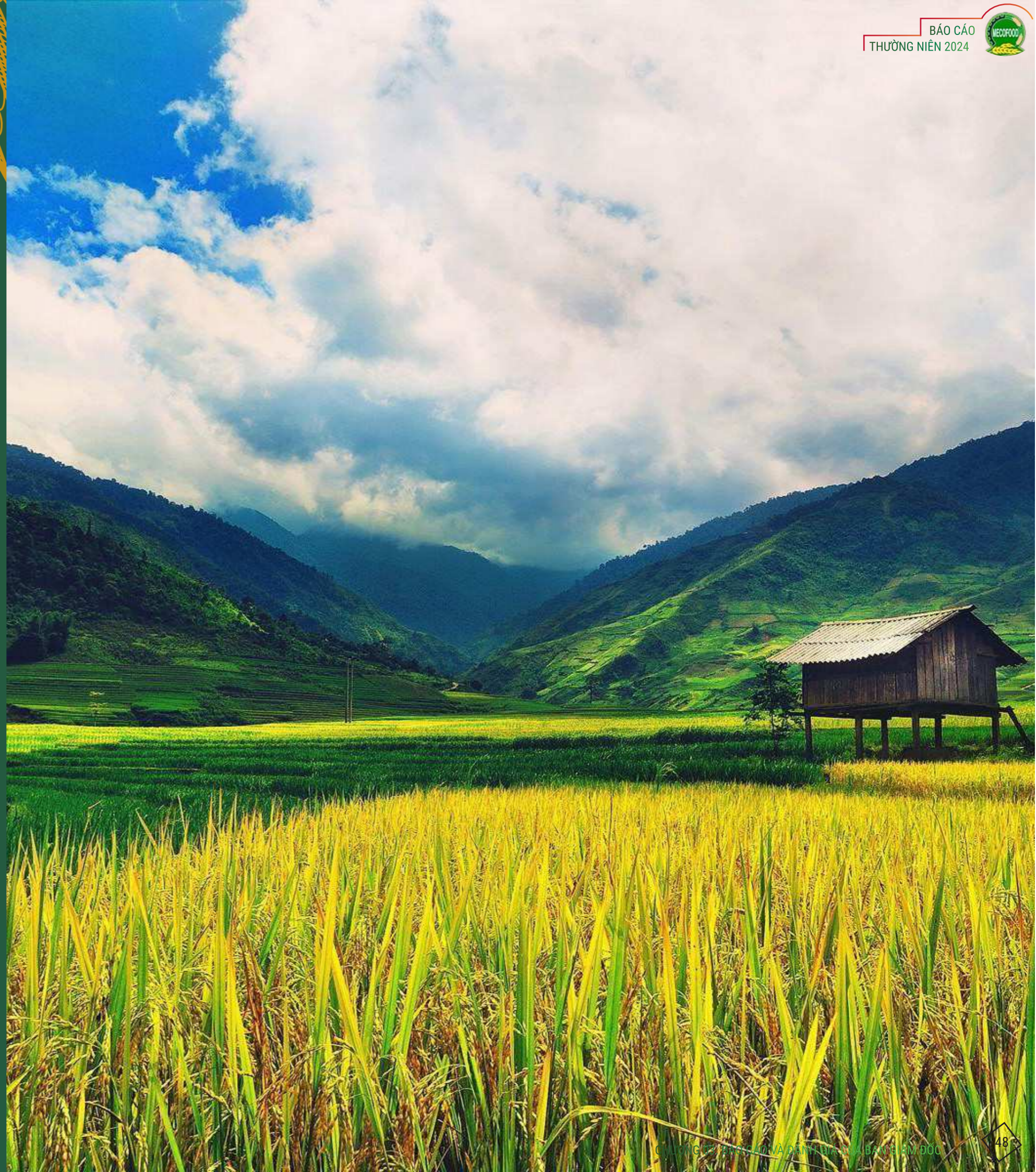
Trong năm 2024, công ty chúng tôi đã cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội và góp phần tích cực vào cộng đồng địa phương thông qua hàng loạt các hoạt động ý nghĩa. Đáng chú ý nhất là lễ dâng hương tưởng nhớ các anh hùng, liệt sĩ tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Long An, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc và tôn vinh những hy sinh cao cả cho đất nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các bà mẹ Việt Nam anh hùng, những người đã có những đóng góp to lớn và mất mát không thể bù đắp. Đoàn thanh niên của Công ty cũng đã thực hiện Hành trình về nguồn, một chuyến đi đầy ý nghĩa nhằm khơi dậy tinh thần yêu nước và truyền thống lịch sử trong giới trẻ. Ngoài ra, trong khuôn khổ sự kiện 'Ngày chủ nhật xanh', Đoàn thanh niên công ty đã ra quân thực hiện các công trình phục vụ cộng đồng, góp phần làm đẹp thêm môi trường sống xung quanh. Cuối cùng, không thể không nhắc đến việc Đoàn thanh niên công ty đã tặng quà và mang lại niềm vui cho các em nhỏ mồ côi tại nhà tình thương Kim Chi - huyện Thủ Thừa, qua đó chia sẻ yêu thương và sự quan tâm đến những mảnh đời bất hạnh. Những hoạt động này không chỉ thể hiện tinh thần trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng mà còn góp phần xây dựng một xã hội đoàn kết và yêu thương.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Kế hoạch đầu tư năm 2024





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024			So cùng kỳ 2023 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm 2024 (%)	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	572,529	494,134	86,31%	110,68%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14	12,528	89,49%	90,12%
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo QĐ	5,278	-	105,08%
4	Thu nhập bình quân	Tr đồng	8,850	9,616	108,65%	101,64%



Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo Tổng công ty Lương thực Miền Nam.
- Sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, năng động, sáng tạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Sự đoàn kết thống nhất của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty và toàn thể CBCNV-NLĐ nhằm vượt qua khó khăn phát triển sản xuất.
- Công ty có tình hình tài chính lành mạnh nhiều năm liền kinh doanh có hiệu quả được các tổ chức tín dụng tin tưởng cấp hạn mức cho vay.
- Công ty có đội ngũ cán bộ có trình độ giàu kinh nghiệm trong quản lý điều hành, có lực lượng lao động trẻ giàu tính sáng tạo và niềm say mê trong công việc.

Khó khăn

Trong năm 2024, do tình hình trong nước và thế giới làm biến động giá xăng dầu, hàng hóa và nguyên vật liệu tăng làm cho hoạt động SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn. Các ngành hàng của Công ty đều không đạt được sản lượng, doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch đề ra.

- **Mặt hàng lương thực:** Giá gạo luôn đứng ở mức cao, công tác dự báo tình hình để chọn thời điểm mua vào, bán ra gặp rất nhiều khó khăn, đối với khách hàng gạo công ty chỉ giữ được khách hàng truyền thống, việc tìm kiếm khách hàng mới rất khó khăn. Hợp đồng xuất khẩu rất ít do ảnh hưởng của cước tàu tăng các khách hàng chờ đợi thời điểm giá cước tàu xuống mới nhập hàng.
- **Mặt hàng bê tông:** Từ đầu năm đến nay có rất nhiều dự án công trình công nhưng việc triển khai rất chậm hoặc hoạt động cầm chừng, công ty chỉ thực hiện các công trình dân dụng và đường giao thông nông thôn nên sản lượng bê tông bán ra rất thấp. Ngoài ra trong năm 2024 bờ kè xí nghiệp được Nhà nước thi công nên việc nhập nguyên liệu như cát, đá... trực tiếp từ bãi xí nghiệp không thực hiện được, công ty phải thuê bến bãi của đơn vị tư nhân bên ngoài vận chuyển về xí nghiệp làm tăng chi phí sản xuất của ngành hàng này.
- **Mặt hàng Mỹ nghệ:** Năm 2024 ngành hàng Mỹ nghệ xuất bán được 12.5con't đạt 62,5% so với kế hoạch, ngành hàng này không còn mang lại hiệu quả cho Công ty bởi các yếu tố giá nguyên liệu ngày càng tăng, công tác thu mua gặp nhiều khó khăn, công nhân khó thu tuyển, sản lượng tiêu thụ giảm dần qua các năm. Công ty đã xây dựng phương án tạm dừng ngành hàng này và đã trình Hội đồng quản trị thông qua và triển khai thực hiện.
- **Mặt hàng bao bì:** Được sự ủng hộ tiêu thụ trong hệ thống Tổng Công ty cũng như các khách hàng bên ngoài nhưng có sự cạnh tranh về giá bán rất khốc liệt, mặc dù sản lượng bán ra tăng hơn so với cùng kỳ năm 2023 nhưng hiệu quả mang lại không cao.
- **Mặt hàng cơ khí:** Không có hợp đồng lớn, chủ yếu là hợp đồng sửa chữa và cải tạo, nâng cấp dây chuyền máy móc thiết bị cho các đơn vị bên ngoài và các công trình sửa chữa trong hệ thống Tổng Công ty nên doanh thu thấp, tốn kém nhiều nhân lực, lực lượng công nhân cơ khí mỏng, Công ty phải tìm nhiều giải pháp để đảm bảo hiệu quả và đúng tiến độ cho khách hàng.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển, đặc biệt giữ vững hệ thống khách hàng truyền thống, nhất là trong ngành hàng lương thực.
- Thực hiện đầu tư có trọng tâm và hiệu quả vào các ngành hàng.
- Tạo dựng uy tín với các tổ chức tín dụng, đảm bảo khả năng vay vốn và thanh toán nợ đúng hạn.
- Đảm bảo hiệu quả kinh doanh, bảo toàn vốn, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH2024/TH2023	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2024
Tài sản ngắn hạn	135.826.871.992	170.878.235.463	25,81%	80,21%	87,57%
Tài sản dài hạn	33.508.328.999	24.246.779.852	-27,64%	19,79%	12,43%
Tổng tài sản	169.335.200.991	195.125.015.315	15,23%	100,00%	100,00%

Trong năm 2024, tổng tài sản của Công ty tăng 15,23%, đạt 195.125 triệu đồng. Cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển đáng chú ý, thể hiện qua các biến động sau:

- Tài sản ngắn hạn: Tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn (87,57%) và tăng mạnh (25,81%) so với năm 2023, đạt 170.878 triệu đồng. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc hàng tồn kho tăng do giá gạo nhập hàng tăng cao trong năm, và các khoản phải thu ngắn hạn tăng. Công ty đang tích cực triển khai các biện pháp để quản lý hiệu quả các khoản phải thu này.
- Tài sản dài hạn: Chiếm 12,43% tổng tài sản, đạt 24.247 triệu đồng và giảm 27,64% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản phải thu dài hạn và tài sản dở dang dài hạn có sự điều chỉnh giảm.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH2024/TH2023	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2024
Nợ phải trả	45.579.727.742	76.827.041.726	68,56%	26,92%	39,37%
Nguồn vốn chủ sở hữu	123.755.473.249	118.297.973.589	-4,41%	73,08%	60,63%
Tổng nguồn vốn	169.335.200.991	195.125.015.315	15,23%	100,00%	100,00%

Cùng với sự biến động của tài sản, cơ cấu nợ phải trả của Công ty trong năm 2024 cũng có những thay đổi đáng kể:

- Nợ ngắn hạn: Tổng nợ ngắn hạn tăng mạnh 68,96% so với năm 2023, đạt 76.557 triệu đồng, và chiếm tỷ trọng 39,23% trong tổng nguồn vốn (tăng so với mức 26,76% của năm 2023). Sự gia tăng này chủ yếu do Công ty tăng cường vay vốn để nhập hàng và bổ sung vốn lưu động trong bối cảnh giá gạo tăng cao.
- Nợ dài hạn: Không thay đổi so với năm 2023, giữ nguyên ở mức 270 triệu đồng, chiếm tỷ trọng rất nhỏ (0,14%) trong tổng nguồn vốn.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ



- **Rà soát và sắp xếp lại bộ máy:** Công ty đã tiếp tục rà soát, sắp xếp và định biên lại bộ máy trong toàn Công ty để tinh gọn và nâng cao hiệu quả. Việc này bao gồm sắp xếp, củng cố bộ máy quản lý của Công ty và các xí nghiệp trực thuộc, kiện toàn tổ chức trong một số lĩnh vực quản lý và ngành nghề kinh doanh phù hợp với tình hình khó khăn hiện tại.
- **Tăng cường quản trị:** Công ty tăng cường công tác Quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro.
- **Rà soát công tác lao động - tiền lương:** Công ty rà soát, đánh giá công tác lao động - tiền lương, và có chế độ trả lương phù hợp để tạo động lực thúc đẩy sản xuất phát triển và đem lại hiệu quả kinh tế.
- **Tiết giảm chi phí:** Việc tiết giảm chi phí quản lý được thực hiện triệt để, quyết liệt và cụ thể.
- **Hoàn thiện quy chế, quy định:** Công ty bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định trong công tác quản lý; Tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy chế về quản lý tài chính trong thu, chi, nhập, xuất tại các đơn vị trực thuộc, quy chế quản lý nợ phải thu.
- **Đào tạo và bổ nhiệm cán bộ:** Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng tầm quản trị, kinh doanh và nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ và quy hoạch cán bộ kế thừa. Quan tâm bồi dưỡng cán bộ trẻ có trình độ và có tố chất từ cấp phân xưởng trở lên, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện nay của công ty. Trong năm 2024, công ty thực hiện bổ nhiệm 04 cán bộ, điều động 01 cán bộ và giải quyết chế độ hưu trí cho 04 cán bộ.
- **Tạm dừng SXKD ngành hàng mỹ nghệ:** Thực hiện xây dựng phương án tạm ngưng SXKD ngành hàng mỹ nghệ do SXKD không hiệu quả và đang trình Tổng Công ty, HĐQT Công ty phê duyệt đồng thời giải quyết các tồn đọng sau khi tạm ngưng SXKD ngành hàng này.
- **Thành lập tổ định mức kinh tế kỹ thuật:** Thành lập tổ định mức kinh tế kỹ thuật về gạo lúc tiến hành định mức và áp dụng tại Trạm kinh doanh chế biến lương thực Cao Lãnh.
- **Công bố thông tin:** Thực hiện các báo cáo định kỳ theo Luật Chứng khoán gửi các cơ quan chức năng đúng quy định.
- **Thanh tra - kiểm tra:** Thường xuyên tuyên truyền các quy định, nội quy về công tác phòng chống tham nhũng, tăng cường công tác thanh tra kiểm tra giám sát phòng ngừa sai phạm.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2025

Nhận định năm 2025 tình hình sản xuất kinh doanh của công ty vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn bởi sự tác động của nhiều yếu tố trong và ngoài nước như: Xung đột tiếp tục leo thang ở Ukraine, Trung Đông, các chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ, giá xăng dầu, hàng hóa cơ bản, cước vận tải biến động mạnh; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường; thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực...

Từ nhận định trên, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025
Tổng doanh thu	Triệu đồng	494,134	621.487
Lợi nhuận	Triệu đồng	12,528	12,5
Nộp ngân sách	Triệu đồng	5,278	Theo QĐ
Thu nhập bình quân người LĐ	Triệu đồng	9,616	10,890

CÁC CHỈ TIÊU MUA VÀO BÁN RA

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2025
1	Lương thực mua vào quy gạo:		34.000
	Gạo các loại :	Tấn	33.500
	Lúa các loại :		1.000
2	Lương thực bán ra quy gạo:		34.000
	Xuất khẩu	Tấn	6.000
	Gạo Nội địa		28.0000
3	Bao bì (quy chuẩn 120 gr)	1000 cái	7
3	Doanh số cơ khí	Tỷ đồng	25
4	Bê tông	m ³	60.000





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2025 (TIẾP THEO)

NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CHUNG

Công ty đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2025 như sau:

- Tiếp tục sắp xếp, củng cố bộ máy: Tiếp tục sắp xếp, củng cố bộ máy quản lý của Công ty và các xí nghiệp trực thuộc, kiện toàn bộ máy quản lý và ngành nghề kinh doanh phù hợp với hoạt động SXKD của Công ty.
- Hoàn thiện quy chế, quy định: Hoàn chỉnh các quy chế, quy định trong công tác quản lý; Tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành quy chế về quản lý tài chính trong thu, chi, nhập, xuất tại các đơn vị trực thuộc. Tích cực thu hồi công nợ, hạn chế nợ dây dưa, quá hạn.
- Kiểm kê tài sản: Thành lập tổ kiểm kê nhằm kiểm kê hàng hóa, tài sản, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ toàn Công ty phục vụ cho công tác quyết toán năm 2024.
- Đổi mới chính sách tiền lương, thưởng: Đổi mới chính sách tiền lương, thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính.
- Ứng dụng chuyển đổi số: Tiếp tục triển khai ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ thông tin trong quản trị, quản lý doanh nghiệp.
- Rà soát và đánh giá cán bộ: Tổ chức rà soát, sắp xếp đánh giá cán bộ, quy hoạch nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý, Ban Tổng giám đốc, lãnh đạo cấp phòng, đơn vị trực thuộc.
- Đào tạo nguồn nhân lực: Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực công tác, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, năng lực đàm phán ký kết hợp đồng.
- Thanh tra - kiểm tra: Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và báo cáo định kỳ về công tác phòng chống tham nhũng năm 2025. Thành lập ban phòng chống tham nhũng năm 2025 theo quy định. Tổ chức đánh giá việc thực hiện kế hoạch phòng chống tham nhũng. Thực hiện việc báo cáo phòng chống tham nhũng định kỳ gửi về Tổng công theo quy định.
- Quản lý tài chính: Thường xuyên nắm bắt tình hình thị trường tài chính để tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác vay vốn nhất là lãi suất vay, loại tiền tệ, hình thức vay, thời gian vay sao cho đạt kết quả tối ưu nhất.



GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH HÀNG

Mặt hàng lương thực

- Về sản xuất chế biến: Rà soát định mức sản xuất để tiết kiệm chi phí, tăng thu hồi thành phẩm; bảo trì máy móc, vận hành chế biến theo chuẩn chất lượng HACCP; quản lý chất lượng từ nguyên liệu đến thành phẩm
- Về tiêu thụ: Lập kế hoạch tiêu thụ theo mạng lưới khách hàng hiện có, mở rộng thị trường mới; xây dựng chiến lược giá cạnh tranh; dự báo thị trường trước khi ký hợp đồng; tăng cường tìm kiếm khách hàng xuất khẩu; tiếp thị vào thị trường nội địa với các sản phẩm phù hợp, tham gia quảng cáo, khuyến mãi, đa dạng hóa sản phẩm tại siêu thị, bếp ăn tập thể; chăm sóc khách hàng để nắm bắt thông tin phản hồi.



Ngành hàng bao bì – Mỹ nghệ



Quản lý chất lượng, hạn chế sản phẩm hỏng; tích cực tiếp thị, chăm sóc khách hàng để tăng sản lượng tiêu thụ trong và ngoài nước; kiểm tra sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, điện năng, đảm bảo chất lượng, trọng lượng, giảm giá thành; dự báo thị trường để mua nguyên vật liệu giá thấp.

Ngành hàng cơ khí

- **Mặt hàng Cơ khí:** Tăng cường tiếp thị, chăm sóc khách hàng, đặc biệt khách hàng truyền thống, tư vấn nâng cấp dây chuyền, thiết bị.
- **Mặt hàng Bê tông – Vật liệu xây dựng:** Chủ động tìm kiếm công trình, dự án; duy trì khách hàng truyền thống; đảm bảo chất lượng bê tông và vật liệu xây dựng; tiết kiệm chi phí sản xuất; phối hợp với các đơn vị trong Tổng Công ty để cung cấp vật tư; tìm kiếm thêm nguồn cung cấp vật tư đầu vào để chủ động sản xuất và tăng sức cạnh tranh; tăng cường công tác kiểm tra chất lượng vật tư đầu vào; thực hiện nghiêm túc công tác nghiệm thu, bàn giao công trình.

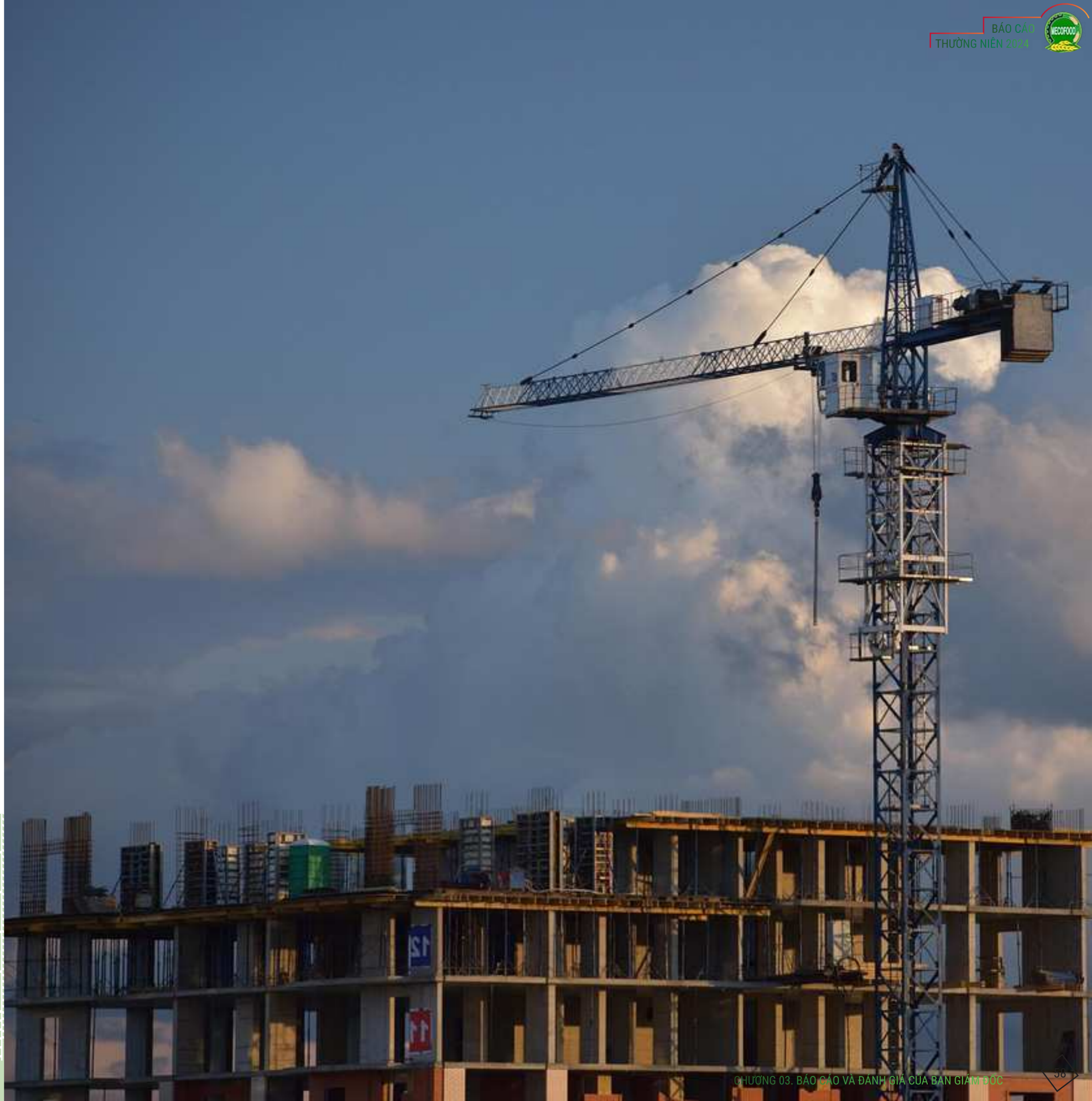


KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025

Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025 trình cấp trên phê duyệt, tập trung chủ yếu vào các công trình trọng điểm phục vụ nhu cầu cấp bách trong sản xuất kinh doanh năm 2025 và những năm tiếp theo.

Đầu tư nội bộ văn phòng công ty và các Xí nghiệp năm 2025 (đã gồm VAT) dự kiến 13,082 tỷ đồng. Bao gồm:

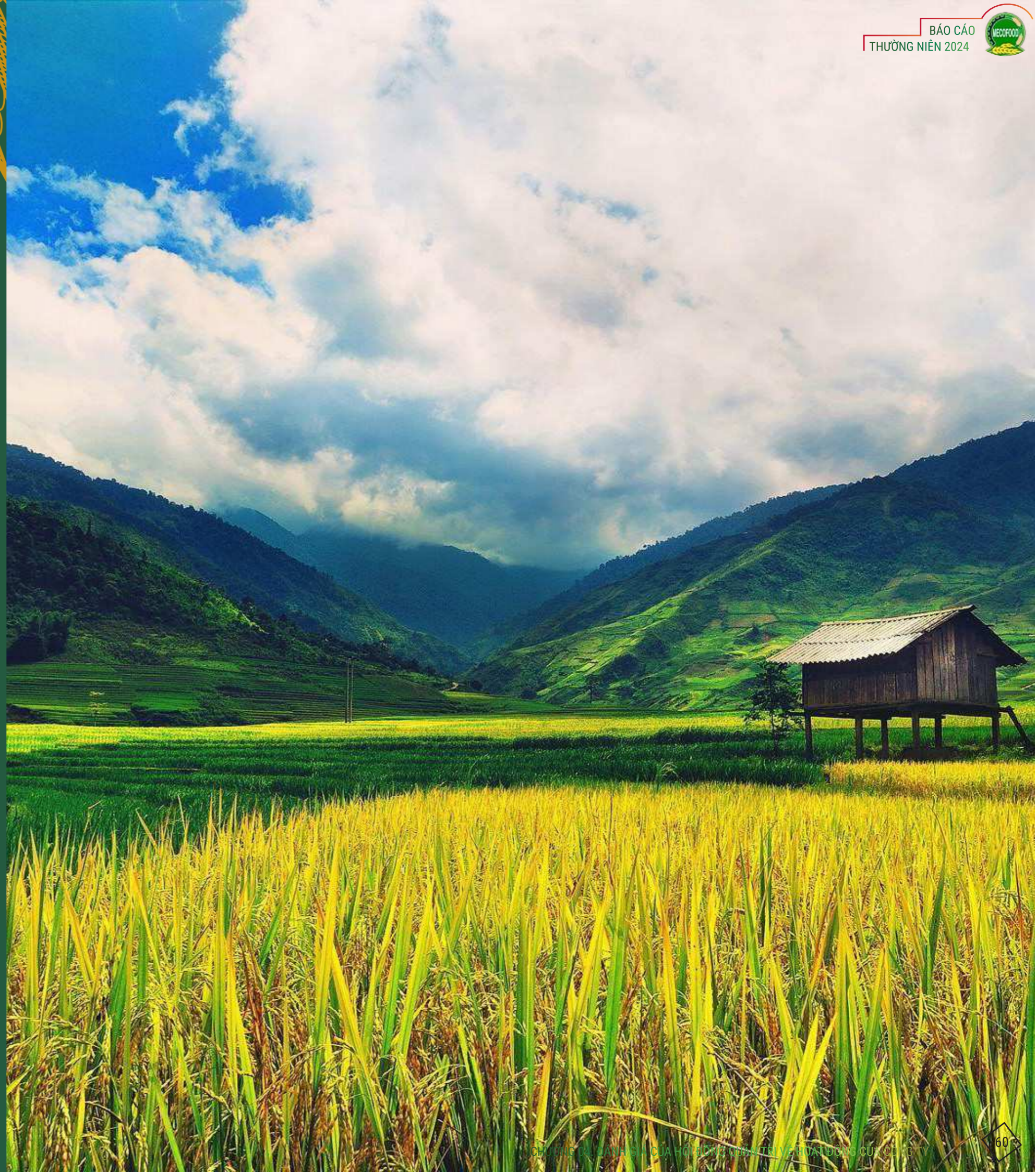
- Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm: 6,532 tỷ đồng.
- Xí nghiệp Xây lắp cơ khí: 3,850 tỷ đồng.
- Văn phòng công ty: 2 tỷ đồng.
- Đầu tư ssđể thực hiện chuyển đổi số cho toàn công ty: 0,7 tỷ đồng.



04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%2024 /2023
1	Doanh thu thuần	443.846.689.702	480.125.601.327	108,17%
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.209.066.721	1.926.168.120	15,78%
3	Lợi nhuận khác	1.691.850.013	10.601.904.939	626,65%
4	Lợi nhuận trước thuế	13.900.916.734	12.528.073.059	90,12%
5	Lợi nhuận sau thuế	10.863.544.809	9.654.232.940	88,87%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của BĐH, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với BĐH tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh năm 2024.

Nhìn chung, năm 2024, trong bối cảnh ảnh hưởng nặng nề từ các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế, tình hình thế giới biến động rất nhanh và phức tạp; Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự nhiều nơi kéo dài dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu; rủi ro tài chính, tiền tệ, mất an ninh năng lượng, lương thực đang hiện hữu...đối với tình hình trong nước, áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế. HĐQT đã triển khai các giải pháp quyết liệt trong công tác giám sát, chỉ đạo BĐH thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi từ đó đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

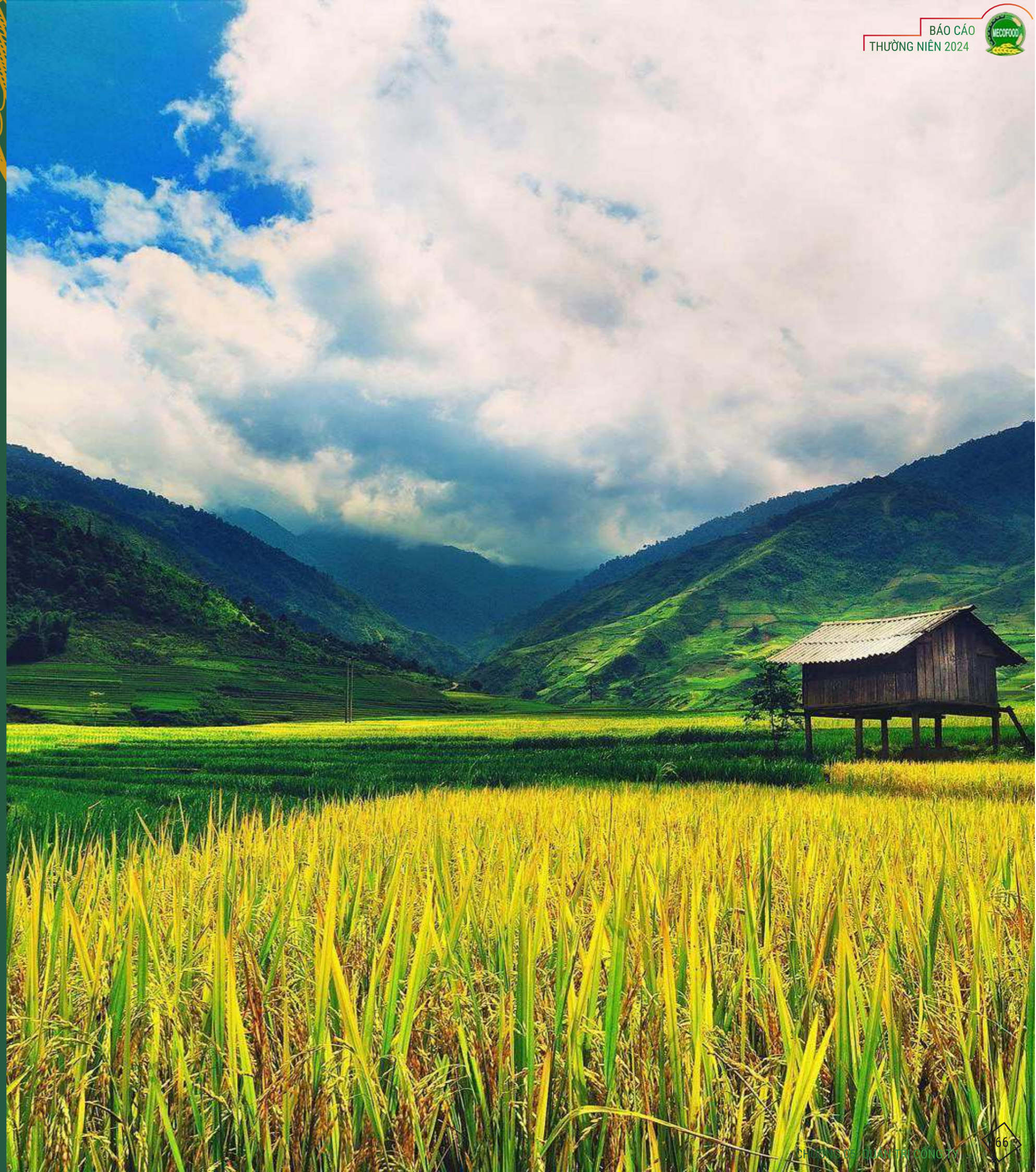
- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông.
- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2025 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát quản lý sử dụng vốn, tài sản đảm bảo theo đúng quy định. Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty.
- Tăng cường chỉ đạo công tác quản trị rủi ro của toàn Công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Đổi mới chính sách tiền lương, thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính.
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục triển khai ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ thông tin trong quản trị, quản lý doanh nghiệp.
- Tổ chức rà soát, sắp xếp đánh giá cán bộ, quy hoạch nguồn cán bộ lãnh đạo quản lý, Ban Tổng giám đốc, lãnh đạo cấp phòng, đơn vị trực thuộc.
- Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực công tác, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, năng lực đàm phán ký kết hợp đồng.
- Thường xuyên rà soát và hoàn thiện các quy chế quy định cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.



05

Quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Hoạt động của Ban kiểm soát
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 02 thành viên trực tiếp điều hành, và 03 thành viên không trực tiếp điều hành.

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu	Cá nhân sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Ông Lê Phát Tài	Chủ tịch HĐQT	2.155.600 (*)	39	20%	Không điều hành
2	Ông Nguyễn Văn Kiệt	Thành viên HĐQT	1.077.800 (*)	14.280	10,13%	Không điều hành
3	Bà Lê Mai Hân	Thành viên HĐQT	1.077.800 (*)	-	10%	Không điều hành
4	Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Thành viên HĐQT	1.077.800 (*)	-	10%	Không điều hành
5	Ông Nguyễn Bình Hiến	Thành viên HĐQT	1.077.800 (*)	36.348	10,34%	

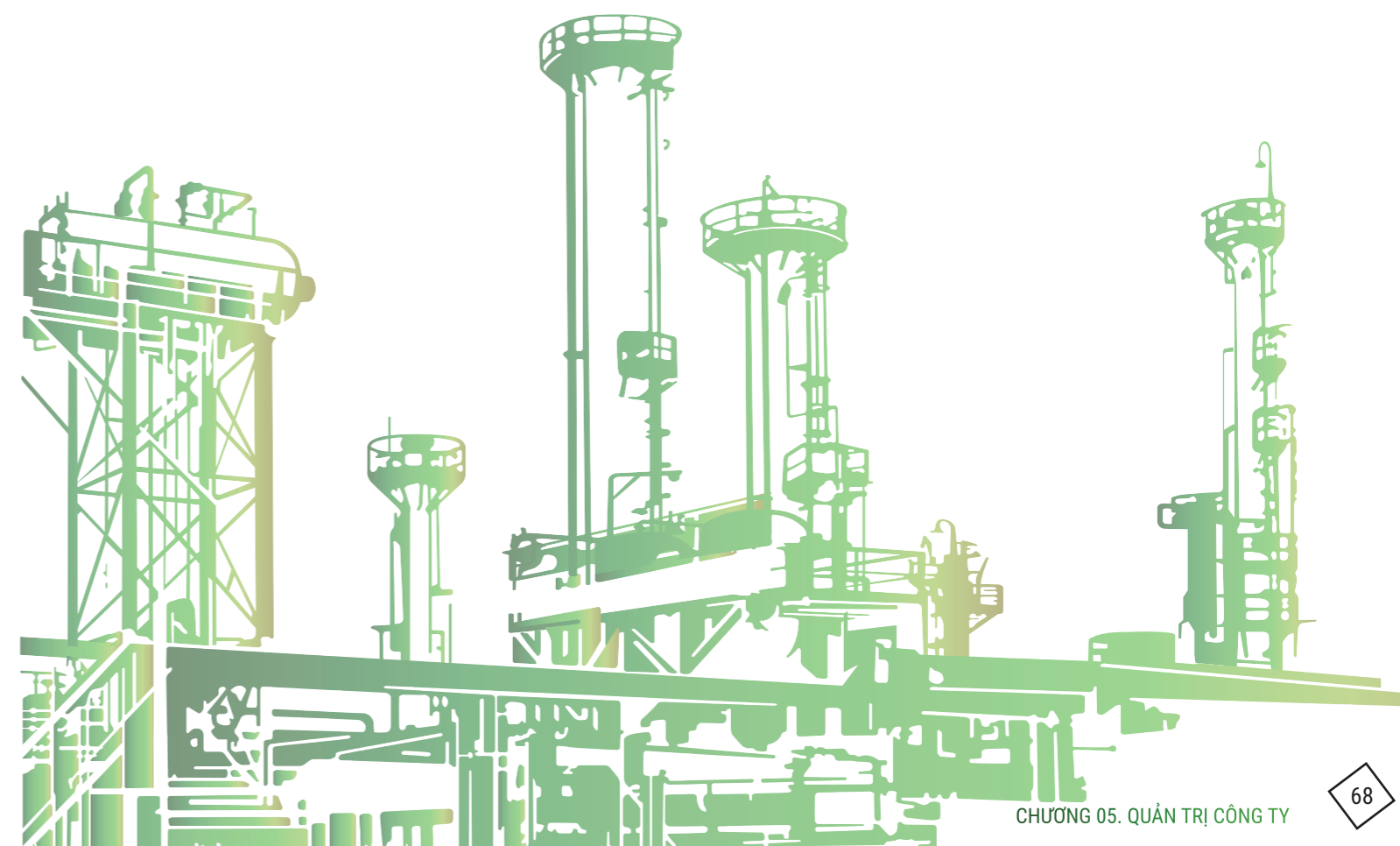
(*) Số lượng cổ phần đại diện Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bạch Ngọc Văn	5/5	100%	Được miễn nhiệm từ ngày 08/05/2024 nên các cuộc họp sau đó không tham dự
2	Ông Lê Phát Tài	6/6	100%	Được bổ nhiệm từ ngày 08/05/2024 nên các cuộc họp trước đó không tham dự
3	Ông Nguyễn Văn Kiệt	11/11	100 %	
4	Bà Lê Mai Hân	11/11	100%	
5	Bà Hồ Thị Cẩm Vân	11/11	100%	
6	Ông Nguyễn Bình Hiến	11/11	100 %	

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, Công ty không có thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị.





TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG LÊ PHÁT TÀI

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 16/10/1971
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Anh văn
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban kinh doanh - Tổng Công ty Lương thực miền Nam - CTCP
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.155.600 cổ phiếu, chiếm 20,00% vốn điều lệ.
 - » Sở hữu đại diện: 2.155.600 cổ phiếu, chiếm 20,00% vốn điều lệ (đại diện Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần)
 - » Cá nhân sở hữu: 39 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG NGUYỄN VĂN KIỆT

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân – Đại học Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.092.080 cổ phiếu, chiếm 10,34% vốn điều lệ
 - » Sở hữu đại diện: 1.077.800 cổ phiếu, chiếm 10,00% vốn điều lệ (đại diện Công ty Lương thực Miền Nam Công ty cổ phần)
 - » Sở hữu cá nhân: 14.280 cổ phiếu, chiếm 0,13% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Trần Thị Thu Hương – Vợ: 538 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ

BÀ LÊ MAI HÂN

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 27/06/1993
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm; Thành viên tổ đại diện vốn Tổng công ty Lương thực Miền Nam tại Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.077.800 cổ phiếu, chiếm 10,00% vốn điều lệ
 - » Sở hữu đại diện: 1.077.800 cổ phiếu, chiếm 10,00% vốn điều lệ (đại diện Công ty Lương thực Miền Nam Công ty cổ phần)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BÀ HỒ THỊ CẨM VÂN

Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày tháng năm sinh: 23/12/1984
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm; Thành viên tổ đại diện vốn Tổng công ty Lương thực Miền Nam tại Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: TV HĐQT Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần; TV HĐQT Công ty CP XNK Hạt Điều và Hàng Nông sản TP.HCM; TV HĐQT Công ty CP Thái Sơn Long An; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức; Kế toán trưởng công ty CP Lâm Nghiệp Miền Đông; Giám đốc tài chính Ban Quản lý Nông Lâm Thủy Sản – Công ty CP Tập đoàn T&T
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.077.800 cổ phiếu, chiếm 10,00% vốn điều lệ
 - » Sở hữu đại diện: 1.077.800 cổ phiếu, chiếm 10,00% vốn điều lệ (đại diện Công ty Lương thực Miền Nam Công ty cổ phần)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG NGUYỄN BÌNH HIỂN

Thành viên Hội đồng quản trị

Đã được nêu tại phần sơ yếu lý lịch của Ban điều hành



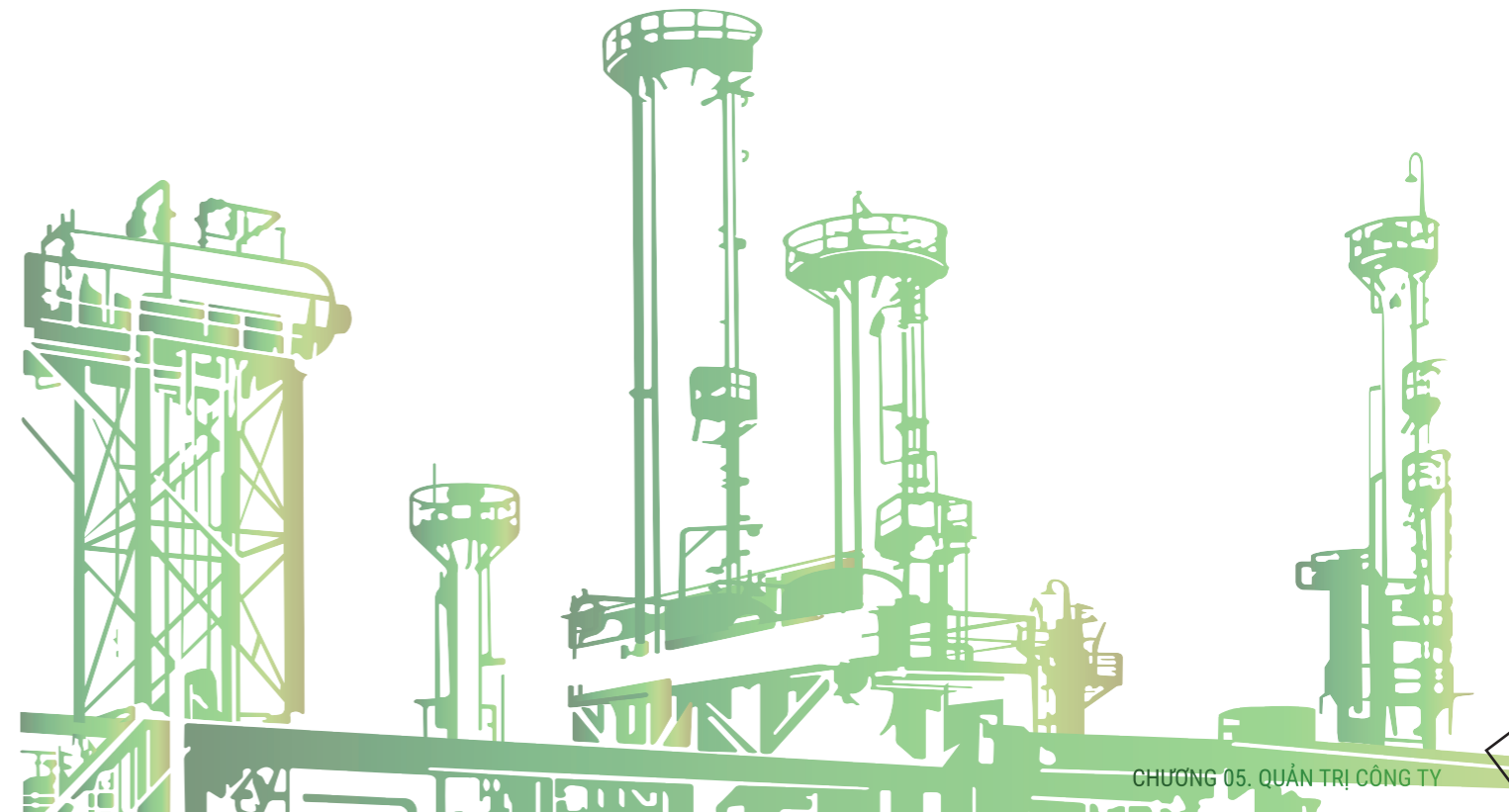
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04/NQ-MCF-HĐQT	11/03/2024	Thông nhất việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2024	100%
2	07/NQ-MCF-HĐQT	20/03/2024	<ul style="list-style-type: none"> Thông nhất thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2023 Thông nhất thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam kiểm toán Thông nhất thông qua chủ trương đầu tư xe con phục vụ công tác tại Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm 	100%
3	08/QĐ-MCF-HĐQT	20/03/2024	Quyết định Ban hành quy chế công bố thông tin của công ty.	100%
4	10/NQ-MCF-HĐQT	08/04/2024	Thông nhất chọn ngày 08/05/2024 là ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.	100%
5	13/NQ-MCF-HĐQT	02/5/2024	Thông qua các báo cáo và các tờ trình trình đại hội cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt.	100%
6	30/NQ-MCF-HĐQT	13/05/2024	Thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2023.	100%
7	30C/NQ-MCF0-HĐQT	20/05/2024	Thông nhất giao cho Tổng giám đốc Công ty triển khai chọn một trong các đơn vị kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tham gia.	100%
8	37/NQ-MCF-HĐQT	28/06/2024	Thông nhất chọn Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam là đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của công ty.	100%
9	40/NQ-MCF-HĐQT	28/8/2024	Chấp thuận cho Công ty được huy động vốn tại BIDV Chi nhánh Long An để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức hạn mức tín dụng/theo món.	100%
10	43/NQ-MCF-HĐQT	09/10/2024	Thông qua việc tái cấp tín dụng và thế chấp tài sản tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Long An.	100%
11	45/NQ-MCF-HĐQT	31/12/2024	- Thông nhất tạm dừng hoạt động SXKD ngành hàng Mỹ nghệ của Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.	100%

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có





BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên

STT	Thành viên	Chức vụ	Số CP sở hữu & đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Hoàng Thị Liên	Trưởng BKS	20.208	0,19%
2	Bà Lê Thị Hồng Nhung	Thành viên BKS	-	-
5	Ông Phan Lê Duy	Thành viên BKS	-	-

BÀ LÊ THỊ HỒNG NHUNG

Kiểm soát viên

- Ngày sinh: 07/05/1987
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

BÀ HOÀNG THỊ LIÊN

Trưởng Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 05/08/1979
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 20.208 cổ phiếu, chiếm 0,19% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG PHAN LÊ DUY

Kiểm soát viên

- Ngày sinh: 16/11/1987
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Tài chính Ngân hàng
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Hoàng Thị Liên	4/4	100%	-
2	Bà Lê Thị Hồng Nhung	4/4	100%	-
3	Ông Phan Lê Duy	4/4	100%	-

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

- Các hoạt động của HĐQT đều tuân thủ đúng theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT đã tổ chức duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ sau đó triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT để Ban Tổng giám đốc thực hiện.
- Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT đều trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

- HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực, thường xuyên chỉ đạo CB-CNV Công ty thực hành tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh.
- BKS được mời tham gia các cuộc họp với HĐQT và Ban tổng giám đốc.
- BKS thực hiện việc giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các mục tiêu kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp hoạt động thường xuyên, chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát nhận đầy đủ báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, Ban kiểm soát đã có nhiều ý kiến đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về các mặt hoạt động của Công ty. Tiến hành xem xét hồ sơ sổ sách kế toán, cách ghi chép hạch toán kế toán hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong việc lập và trình bày báo cáo của Công ty.
- Hoạt động của BKS luôn được sự hỗ trợ tích cực của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các Phòng Ban, các Xí nghiệp. Hoạt động của BKS có tính độc lập không gây cản trở cho hoạt động SXKD của Công ty. Việc phối hợp làm việc giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS là phù hợp với chuẩn mực, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Không có





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng
Hội đồng quản trị					
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	-	42.692.000	4.030.000	46.722.000
Ông Lê Phát Tài	Chủ tịch HĐQT	-	77.308.000	-	77.308.000
Ông Nguyễn Văn Kiệt	Phó Chủ tịch HĐQT	444.863.000	-	47.955.000	492.818.000
Bà Lê Mai Hân	Phó Chủ tịch HĐQT	-	96.000.000	34.254.000	130.254.000
Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	2.821.000	86.821.000
Ông Nguyễn Bình Hiến	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	-	84.000.000
Ông Trần Vĩnh Thanh	Nguyên Thành viên HĐQT	7.430.000	-	9.871.000	17.301.000
Ban kiểm soát					
Bà Hoàng Thị Liên	Trưởng ban Kiểm soát	289.368.000	-	19.343.000	308.711.000
Bà Lê Thị Hồng Nhung	Kiểm soát viên	167.700.000	54.000.000	9.672.000	239.094.000
Ông Phan Lê Duy	Kiểm soát viên	-	54.000.000	9.672.000	63.672.000
Ban điều hành					
Ông Lê Trường Sơn	Tổng giám đốc	425.441.000	-	59.440.000	484.881.000
Ông Nguyễn Bình Hiến	Thành viên HĐQT; P.TGD	385.381.000	-	45.940.000	431.321.000
Ông Nguyễn Minh Phục	Phó Tổng giám đốc	368.518.000	-	33.851.000	402.369.000
Kế toán trưởng					
Bà Nguyễn Thị Thanh Phụng	Kế toán trưởng	326.433.000	-	33.851.000	360.284.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Lê Trường Sơn	Tổng Giám đốc	80.839	0,75%	1.239	0,011%	Bán thoải thuận và khớp lệnh

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH	Thời điểm Giao dịch với công ty	Số nghị quyết	Nội dung	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	Cổ đông nhà nước chiếm 60% VDL	0300613198	1/1/2024 đến 31/12/2024		Bán bao bì, gạo, cơ khí	48.267.778.400
						Tiền cổ tức	7.760.160.000
2	Công ty Lương thực Long An	Công ty con của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - công ty cổ phần	0300613198-008	1/1/2024 đến 31/12/2024		Bán bao bì, dịch vụ cơ khí	7.429.306.711
3	Công Ty Lương Thực Đồng Tháp	Công ty con của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - công ty cổ phần	0300613198-010	1/1/2024 đến 31/12/2024		Bán dịch vụ cơ khí	8.400.000
						Phí hợp tác khai thác mặt bằng và các dịch vụ kèm theo	1.832.895.242
4	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Kiên Giang	Công ty cổ phần có vốn góp của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - công ty cổ phần	1700100989	1/1/2024 đến 31/12/2024	24/NQ-MCF-ĐHCD ngày 08/05/2024	Bán bao bì, dịch vụ cơ khí	9.378.789.000
						Phí xăng	454.545
5	Công ty Cổ Phần Sài Gòn Lương Thực	Công ty cổ phần có vốn góp của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - công ty cổ phần	0300606715	1/1/2024 đến 31/12/2024		Bán gạo và gia công xay lúa	2.210.321.857
6	Công ty Lương thực Tiền Giang	Công ty con của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - công ty cổ phần	0300613198-009	1/1/2024 đến 31/12/2024		Mua nước suối xanh	48.306.949
7	Công ty Cổ Phần Lương Thực Thực Phẩm COLUSA-MILIKET	Công ty cổ phần có vốn góp của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - công ty cổ phần	0304517551	1/1/2024 đến 31/12/2024		Bán gạo	1.700.000
						Mua mì tôm	34.444.410
8	Công ty Cổ Phần Lương Thực Thực Phẩm SAFOCO	Công ty cổ phần có vốn góp của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - công ty cổ phần	0303752249	1/7/2024 đến 31/12/2024		Bán bao bì	40.890.000



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

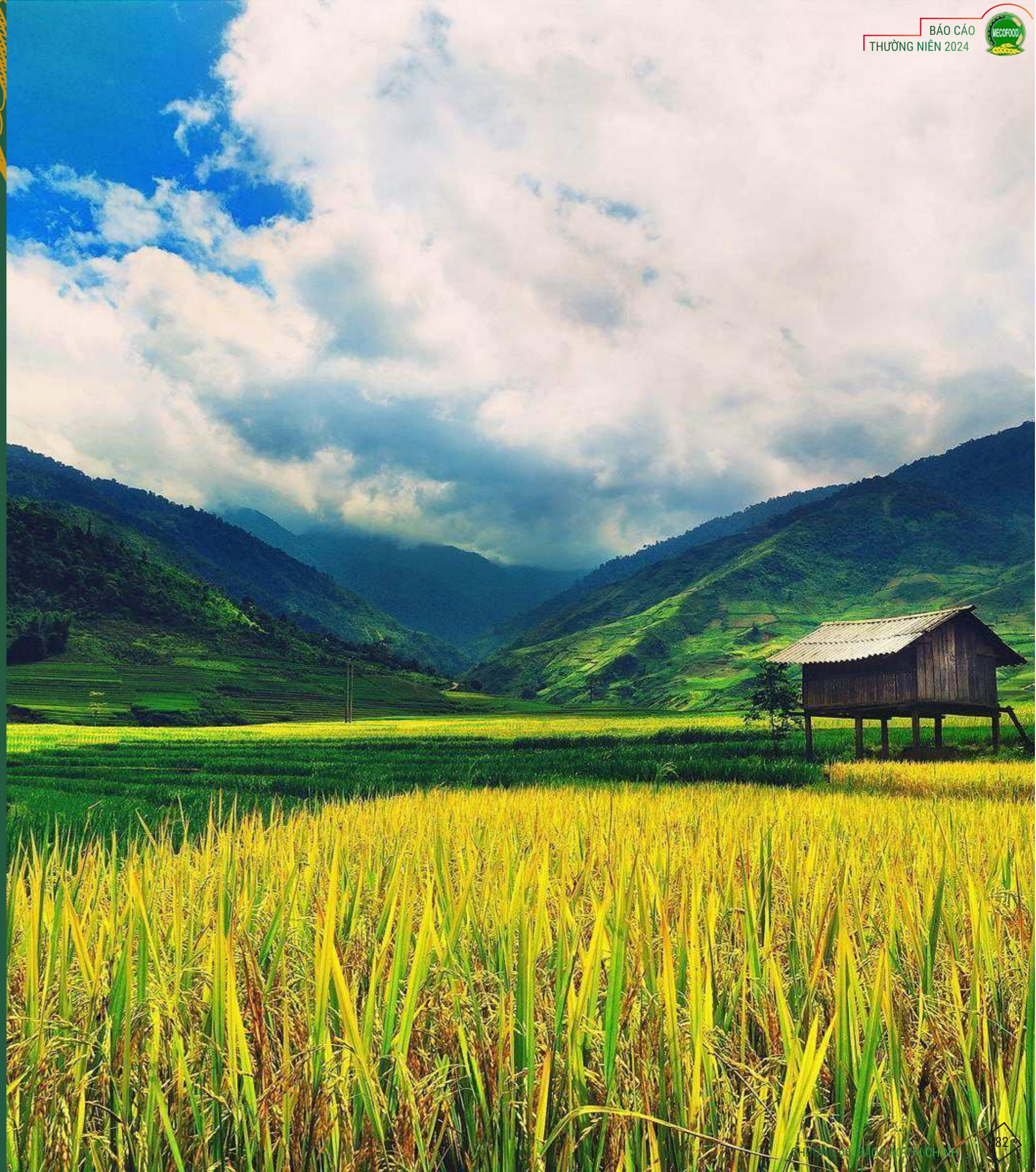
- Luật, Nghị định, Thông tư và Quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

06

Báo cáo tài chính

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



Số: 76/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, được lập tại ngày 24/02/2025, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Lưu Minh Tới
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		170.878.235.463	135.826.871.992
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.125.122.734	6.068.926.742
1. Tiền	111	5.1	3.125.122.734	6.068.926.742
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.831.513.072	28.745.907.460
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	37.388.664.052	28.563.398.770
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		154.402.000	252.887.363
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	4.105.520	1.855.066.477
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(1.715.658.500)	(1.925.445.150)
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	131.297.065.754	100.836.807.471
1. Hàng tồn kho	141		131.297.065.754	100.836.807.471
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		624.533.903	175.230.319
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		624.533.903	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	175.230.319
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		24.246.779.852	33.508.328.999
I Các khoản phải thu dài hạn	210		536.000.000	386.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	536.000.000	386.000.000
II Tài sản cố định	220		23.586.536.624	28.429.354.300
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	23.524.697.742	28.342.583.594
- Nguyên giá	222		122.722.943.426	121.100.572.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.198.245.684)	(92.757.989.007)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	61.838.882	86.770.706
- Nguyên giá	228		837.530.502	837.530.502
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(775.691.620)	(750.759.796)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	124.243.228	4.692.974.699
1. Chi phí sản xuất, Kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	4.127.305.412
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		124.243.228	565.669.287
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		195.125.015.315	169.335.200.991

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		76.827.041.726	45.579.727.742
I- Nợ ngắn hạn	310		76.557.041.726	45.309.727.742
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	12.913.283.262	7.837.355.773
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.885.096.846	6.747.606.859
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.464.469.063	1.079.013.771
4. Phải trả người lao động	314		546.440.000	3.878.164.200
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		103.086.351	41.666.667
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	908.888.650	2.421.163.118
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	55.908.200.650	21.274.031.400
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		346.975.942	620.145.429
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.480.600.962	1.410.580.525
II- Nợ dài hạn	330		270.000.000	270.000.000
i. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	270.000.000	270.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		118.297.973.589	123.755.473.249
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	118.297.973.589	123.755.473.249
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		107.778.380.000	107.778.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		107.778.380.000	107.778.380.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(31.818.182)	(31.818.182)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.045.084.000	5.055.904.066
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.506.327.771	10.953.007.365
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		152.094.831	191.462.556
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.354.232.940	10.761.544.809
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		195.125.015.315	169.335.200.991

Long An, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Kết

Nguyễn Thị Thanh Phụng

Lê Trường Sơn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	480.125.601.327	443.846.689.702
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.2	480.125.601.327	443.846.689.702
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	438.831.587.862	393.759.129.990
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		41.294.013.465	50.087.559.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.003.227.170	595.670.489
7. Chi phí tài chính	22	6.5	5.998.195.185	3.264.356.754
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.874.805.179	3.055.424.812
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	12.687.912.566	13.346.653.295
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	21.684.964.764	21.863.153.431
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.926.168.120	12.209.066.721
11. Thu nhập khác	31	6.8	13.005.328.407	2.010.502.891
12. Chi phí khác	32	6.8	2.403.423.468	318.652.878
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	10.601.904.939	1.691.850.013
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.528.073.059	13.900.916.734
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.873.840.119	3.037.371.925
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		9.654.232.940	10.863.544.809
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	765,562	833,675

Long An, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập

Bùi Văn Kết

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Phụng

Tổng Giám đốc



Lê Trường Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.528.073.059	13.900.916.734
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		6.615.188.501	6.791.610.805
- Các khoản dự phòng	03		(482.956.137)	95.978.365
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.369.221	36.764.534
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(171.044.446)	64.583.792
- Chi phí lãi vay	06		5.874.805.179	3.055.424.812
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		24.365.435.377	23.945.279.042
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.850.588.643)	6.854.447.900
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.332.952.871)	11.062.843.728
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.794.262.147)	(1.240.603.284)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(624.533.903)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.874.805.179)	(3.055.424.812)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.563.563.771)	(2.703.850.661)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.808.306.563)	(2.146.316.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.483.577.700)	32.716.375.617
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.330.944.766)	(1.261.901.543)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		126.102.693	1.765.454.545
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.941.753	6.179.421
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.159.900.320)	509.732.423
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		480.361.897.046	282.578.789.052
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(445.727.727.796)	(306.839.757.937)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.933.405.600)	(7.867.821.740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.700.763.650	(32.128.790.625)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.942.714.370)	1.097.317.415
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.068.926.742	4.971.803.256
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.089.638)	(193.929)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	3.125.122.734	6.068.926.742

Long An, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập

Bùi Văn Kết

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Phụng

Tổng Giám đốc



Lê Trường Sơn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm là một Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước là Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí Nông nghiệp thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4438/QĐ-BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100664038 lần đầu ngày 18/02/2005, đăng ký thay đổi các lần và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 19/05/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100664038 thay đổi lần thứ 16 ngày 19/05/2022 là 107.778.380.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy tỷ, bảy trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng chẵn*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MECHANNICS CONSTRUCTION AND FOODSTUFF JOINT - STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt: MECOFOOD

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MCF.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 212 người (tại ngày 01/01/2024 là 298 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm là về lương thực thực phẩm, Xây lắp cơ khí và bao bì mỹ nghệ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Các hoạt động chính của Công ty gồm:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các loại mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rom sậy;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực thực phẩm, nông nghiệp và sản xuất cơ khí các loại; Và
- Sản xuất bê tông tươi, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Công ty có 3 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại TP. Tân An bao gồm:

STT	Tên xí nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
1	Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ	Số 4 Cù Luyện, Phường 5, TP. Tân An, Tỉnh Long An	Sản xuất bao bì, thủ công mỹ nghệ
2	Xí nghiệp Lương thực thực phẩm	Số 28 Cao Văn Lầu, Phường 5, TP. Tân An, Tỉnh Long An	Sản xuất, chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm
3	Xí nghiệp Xây lắp - Cơ khí	Số 27 Võ Ngọc Quận, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An	Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị và sản phẩm cơ khí, sản xuất bê tông tươi, vật liệu xây dựng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản, áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.
- Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 15
Dụng cụ quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính và tài sản vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm và tài sản vô hình khác là 15 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về sản phẩm cơ khí được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng sản phẩm cơ khí phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 căn cứ vào các hợp đồng đã ký với người mua.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xây lắp cơ khí, bê tông tươi và vật liệu xây dựng; lương thực, thực phẩm; bao bì mỹ nghệ và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	298.721.800	306.597.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.826.400.934	5.762.329.742
Tổng	3.125.122.734	6.068.926.742

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi nhánh công ty cổ phần Acecook Việt Nam tại Bắc Ninh	-	4.322.400.000
Dong Phuong DISTRIBUTOR	5.390.070.884	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Tân An	6.829.241.500	-
Phải thu các khách hàng khác	25.169.351.668	24.240.998.770
Tổng	37.388.664.052	28.563.398.770

Trong đó: Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)

1.211.604.804	1.235.519.272
----------------------	----------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngân hạn	4.105.520	-	1.855.066.477	-
T and T Supermarket Inc	-	-	1.641.158.477	-
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn - Việt Hưng	-	-	213.908.000	-
Công ty TNHH Thực Phẩm Anh Duy	4.105.520	-	-	-
b) Dài hạn	536.000.000	-	386.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	536.000.000	-	386.000.000	-
Tổng	540.105.520	-	2.241.066.477	-
	300.000.000		300.000.000	

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 7.1)**5.4 Hàng tồn kho**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	113.363.742.594	-	85.158.406.369	-
Công cụ, dụng cụ	1.043.969.712	-	788.139.372	-
Chi phí SX KDDDD	3.208.707.659	-	1.707.620.746	-
Thành phẩm	13.381.543.528	-	12.453.685.308	-
Hàng hóa	299.102.261	-	690.193.033	-
Hàng gửi bán	-	-	38.762.643	-
Tổng	131.297.065.754	-	100.836.807.471	-

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 31/12/2024, hàng tồn kho có giá trị ghi số là 94.181.250.000 VND và 99.027.500.000 VND (tại ngày 01/01/2024: 41.676.000.000 VND và 81.327.500.000 VND) lần lượt được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (Thuyết minh 5.13).

5.5 Nợ xấu

Đối tượng	Số năm quá hạn	Tại ngày 31/12/2024 (VND)		Tại ngày 01/01/2024 (VND)		Giá trị có thể thu hồi
		Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	
Công ty TNHH MTV TM DV Thiên Địa Nhân	> 3 năm	22.350.000	(22.350.000)	22.350.000	(22.350.000)	-
Công ty Cổ Phần Socon Việt Nam	> 3 năm	1.000.075.000	(1.000.075.000)	1.000.075.000	(1.000.075.000)	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại và Dịch Vụ Cơ Khí Huệ Tấn	> 3 năm	625.120.000	(625.120.000)	625.120.000	(625.120.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây Dựng An Dương	> 3 năm	30.270.000	(30.270.000)	35.120.000	(35.120.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Mỹ Tín	> 3 năm	37.843.500	(37.843.500)	37.843.500	(37.843.500)	-
Công ty TNHH Lương Thực Thực Phẩm Long An	> 3 năm	-	-	355.273.300	(204.936.650)	150.336.650
Tổng		1.715.658.500	(1.715.658.500)	2.075.781.800	(1.925.445.150)	150.336.650



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dung cụ quản lý	Tổng
5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	39.822.195.204	46.129.569.416	33.182.226.116	1.966.581.865	121.100.572.601
Tăng trong năm	161.712.452	821.467.464	732.190.909	57.000.000	1.772.370.825
Mua trong năm	-	-	732.190.909	57.000.000	789.190.909
Xây dựng cơ bản hoàn thành	161.712.452	821.467.464	-	-	983.179.916
Giảm trong năm	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Thanh lý nhượng bán	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	39.983.907.656	46.951.036.880	33.764.417.025	2.023.581.865	122.722.943.426
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	30.651.736.955	33.892.351.959	26.261.791.164	1.952.108.929	92.757.989.007
Tăng trong năm	1.363.023.273	2.692.778.717	2.511.069.113	23.385.574	6.590.256.677
Khấu hao trong năm	1.363.023.273	2.692.778.717	2.511.069.113	23.385.574	6.590.256.677
Giảm trong năm	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Thanh lý nhượng bán	-	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	32.014.760.228	36.585.130.676	28.622.860.277	1.975.494.503	99.198.245.684
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	9.170.458.249	12.237.217.457	6.920.434.952	14.472.936	28.342.583.594
Tại ngày 31/12/2024	7.969.147.428	10.365.906.204	5.141.556.748	48.087.362	23.524.697.742

Nguyên giá của tài sản cố định các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 42.763.924.920 VND (tại ngày 01/01/2024 là 36.989.298.163 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 16.955.174.107 VND (tại ngày 01/01/2024 là 22.457.592.701 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	474.745.773	362.784.729	837.530.502
Tăng trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	474.745.773	362.784.729	837.530.502
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	387.975.067	362.784.729	750.759.796
Tăng trong năm	24.931.824	-	24.931.824
Khấu hao trong năm	24.931.824	-	24.931.824
Số dư tại ngày 31/12/2024	412.906.891	362.784.729	775.691.620
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	86.770.706	-	86.770.706
Tại ngày 31/12/2024	61.838.882	-	61.838.882

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 737.803.229 VND (tại ngày 01/01/2024 là 737.803.229 VND).

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn	-	4.127.305.412
Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu - Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản XK Sài Gòn - Việt Hưng (i)	-	4.127.305.412
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	124.243.228	565.669.287
Bảo trì, sửa chữa dây chuyền máy chế biến gạo - Trạm kinh doanh chế biến lương thực Cao Lãnh	-	284.876.639
Cải tạo, nâng cấp sửa chữa phân xưởng 1 - Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm	-	257.462.848
Di dời trạm bơm PCCC - XN XLCK	41.232.253	-
Sàng nguyên liệu đầu dây chuyền máy - Trạm KD CB LT Cao Lãnh	32.158.627	-
Cải tạo băng tải kép 9m + 7m, ụ neo tàu bến bãi - PX1 XN LTTP	50.852.348	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	23.329.800
Tổng	124.243.228	4.692.974.699

(i) Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã được Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn đồng ý hòa giải và đã thanh toán theo Quyết định số 01/2024/QĐST- KDTM ngày 16/2/2024 của Tòa án Nhân dân Huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
DNTN Hai Ron	-	606.376.900
Công ty TNHH MTV DV Vận chuyển Minh Anh	2.261.004.078	1.504.489.547
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Thành Phát	3.631.313.476	877.990.248
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Xây dựng Thành Nam	1.541.179.470	2.266.687.340
Các đối tượng khác	5.479.786.238	2.581.811.738
Tổng	12.913.283.262	7.837.355.773

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
RAMA FOOD MANUFACTURE CORPORATION	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn - Việt Hưng	-	5.431.695.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật 29	323.570.000	755.293.250
Các đối tượng khác	2.885.096.846	560.618.609
Tổng	6.747.606.859	6.747.606.859

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đơn vị tính: VND	
	01/01/2024	31/12/2024
	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
Phải nộp	1.079.013.771	4.892.392.766
Thuế GTGT	-	151.758.396
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.061.563.771	2.563.563.771
Thuế thu nhập cá nhân	17.450.000	515.697.686
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.654.264.313
Các loại thuế và lệ phí khác	-	108.600
Thuế môn bài	-	7.000.000

5.12 Các khoản phải trả khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	908.888.650	2.421.163.118
Kinh phí công đoàn	754.471.753	577.272.853
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	75.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm Anh Duy - Xuất khẩu ủy thác	-	1.667.723.368
Các khoản phải trả, phải nộp khác	104.416.897	101.166.897
b) Dài hạn	270.000.000	270.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	270.000.000	270.000.000
Tổng	1.178.888.650	2.691.163.118



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (i)	28.422.379.050	28.422.379.050	173.925.648.633	157.429.269.583	11.926.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An (ii)	27.485.821.600	27.485.821.600	268.745.543.657	244.971.722.057	3.712.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An (iii)	-	-	37.690.704.756	43.326.736.156	5.636.031.400
Tổng	55.908.200.650	55.908.200.650	480.361.897.046	445.727.727.796	21.274.031.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An

Số tiền được vay	Hợp đồng cho vay số 02/CV/0020/KHDN/23LD ngày 22/11/2024, với hạn mức cho vay: Đối với hoạt động kinh doanh lúa gạo là 100.000.000.000 VND, đối với hoạt động kinh doanh khác là 11.000.000.000 VND
Mục đích vay	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định
Thời hạn vay	12 tháng
Lãi suất vay	Áp dụng cơ chế lãi suất cho vay thỏa thuận trên cơ sở thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng tại thời điểm khách hàng nhận nợ, tại từng thời điểm nhận nợ, lãi suất vay cố định được hai bên thống nhất ghi trên từng giấy nhận nợ.
Hình thức đảm bảo tiền vay	<ul style="list-style-type: none"> - Công trình nhà kho, nhà xưởng và nhà văn phòng tại phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH703763, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT10549 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 20/03/2012 và Công trình trên đất (Nhà làm việc và nhà kho) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO218258, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT16964 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 05/08/2013. - Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0034/NHNT-CRC/TC23 ngày 26/07/2023 - Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0019/NHNT-CRC/TC21 ngày 12/04/2021 - Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0022/NHNT-CRC/TC22 ngày 20/04/2022 - Phương tiện giao thông vận tải đường bộ và xe máy chuyên dụng theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông vận tải đường bộ số 0020/NHNT-CRC/TC21 ngày 12/04/2021 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung của Hợp đồng thế chấp này ký giữa Ngân hàng và Công ty. - Thế chấp 1 xe ô tô tải (thùng lửng) 990kg biển số đăng ký 62C-161.46 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0035/NHNT-CRC/TC23 ngày 26/07/2023. - Thế chấp hàng hóa luân chuyển và/hoặc quyền đòi nợ và/hoặc quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại của khách hàng 0033/NHNT-CRC/TC23 ngày 26/07/2023 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung của Hợp đồng thế chấp này ký giữa Ngân hàng và Công ty. - Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0036/NHNT-CRC/TC23 ngày 26/07/2023
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2024	28.422.379.050 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Long An

Số tiền được vay	Hợp đồng cho vay hạn mức số 2350.2302/2024-HĐCVHM/NHCT700-MECOFOOD ngày 13/3/2024, với hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND.
Mục đích vay	Vay vốn bổ sung vốn lưu động
Thời hạn vay	Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
Lãi suất vay	Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
Hình thức đảm bảo tiền vay	Theo Hợp đồng thế chấp số 1899.0001/2018/HĐBĐVNHC700 ngày 03/04/2018; Theo Hợp đồng thế chấp số 1899.0002/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 04/04/2018; Theo Hợp đồng thế chấp số 1899.0003/2018/HĐBĐ/NHCT700 ngày 09/04/2018; Theo Hợp đồng thế chấp số 1999.0008/2019 ngày 12/03/2019; Theo Hợp đồng thế chấp số 1950.0204/2019/HĐBĐVNHC700 ngày 02/04/2019; Và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp.
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2024	27.485.821.600 VND

(iii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An

Số tiền được vay	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/2735249/HĐTD ngày 05/9/2023, với hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VND.
Mục đích vay	Vay vốn bổ sung vốn lưu động
Thời hạn vay	Theo từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể, 12 tháng kể từ thời điểm nhận nợ
Lãi suất vay	Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
Hình thức đảm bảo tiền vay	Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/2735249/HĐBĐ ngày 26/3/2021, chủ yếu thế chấp: - Đầu tư 01 máy tách màu năng suất 9-11 T nguyên liệu/h và thiết bị phụ trợ. - Đầu tư 01 máy tách màu năng suất 9-11 T nguyên liệu/h và thiết bị phụ trợ máy số 02. - Cần trục bánh xích hiệu BHCYRHS ERIE 38B - 02 Ô tô trộn bê tông SANY 10 m ³ - 01 Ô tô trộn bê tông hiệu C&C
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2024	0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND		Tổng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	
Số dư tại 01/01/2023	107.778.380.000	(31.818.182)	122.730.874.180
Lãi trong năm trước	-	-	10.863.544.809
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.051.082.000	(1.051.082.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.576.624.000)
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	(292.500.000)
Chia cổ tức	-	-	(7.867.821.740)
Thù lao Hội đồng Quản trị (i)	-	-	(102.000.000)
Số dư tại 31/12/2023	107.778.380.000	(31.818.182)	123.755.473.249
Số dư tại 01/01/2024	107.778.380.000	(31.818.182)	123.755.473.249
Lãi trong năm này	-	-	9.654.232.940
Chuyển quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận (i)	-	-	5.055.904.066
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2023 (i)	-	(5.055.904.066)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 (i)	-	-	(1.045.084.000)
Quỹ khen thưởng Ban điều hành năm 2023 (i)	-	-	(1.567.627.000)
Chia cổ tức năm 2023 (i)	-	-	(310.700.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị năm 2024 (ii)	-	-	(12.933.405.600)
Số dư tại 31/12/2024	107.778.380.000	(31.818.182)	118.297.973.589

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết số 24/NQ-ĐHCD.MCF ngày 08/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 10% trên lợi nhuận sau thuế (trừ quỹ khen thưởng ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị) năm 2023.
- Quỹ đầu tư phát triển từ các năm trước hoàn nhập với số tiền là 5.055.904.066 VND
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 15% trên lợi nhuận sau thuế (trừ quỹ khen thưởng ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị) năm 2023.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền là 310.700.000 VND.
- Thù lao Hội đồng Quản trị với số tiền là 102.000.000 VND đã thanh toán trong năm 2023.
- Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 12% trên vốn điều lệ, tương ứng số tiền là 12.933.405.600 VND. Ngày 08/5/2024, Công ty ghi nhận cổ tức phải trả cho các cổ đông căn cứ vào Nghị quyết số 30/NQ-MCF-HĐQT ngày 13/5/2024 của Hội đồng Quản trị về việc ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chia cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt (ngày đăng ký cuối cùng theo nghị quyết là ngày 29/5/2024).

(ii) Công ty đã thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị trong năm 2024 với số tiền là: 300.000.000 VND.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ Phần	60,00%	6.466.800	64.668.000.000	60,00%	6.466.800	64.668.000.000
Các cổ đông khác	40,00%	4.311.038	43.110.380.000	40,00%	4.311.038	43.110.380.000
Tổng	100%	10.777.838	107.778.380.000	100%	10.777.838	107.778.380.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	107.778.380.000	107.778.380.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	107.778.380.000	107.778.380.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.933.405.600	7.867.821.740

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.777.838	10.777.838
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.777.838	10.777.838
Cổ phiếu phổ thông	10.777.838	10.777.838
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.777.838	10.777.838
Cổ phiếu phổ thông	10.777.838	10.777.838
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a. Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Trong vòng 1 năm	1.037.457.122	754.942.672
Trong vòng 2 đến 5 năm	1.995.073.187	2.005.635.941
Trên 5 năm	2.385.869.137	1.777.994.203
Tổng	5.418.399.446	4.538.572.816

b. Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2024 Kg	01/01/2024 Kg
Gạo NL 20% tấm	26.762	26.762

c. Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền USD	2.488,06	2.809,82
Tương đương tiền VND	62.680.256	67.571.001

d. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Doanh nghiệp tư nhân Nhân Trí (ii)	10.978.100	10.978.100
Doanh nghiệp tư nhân Điền Mãi (i)	33.483.175	33.483.175
Công ty TNHH XD TM Hà Thành (i)	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH Suất ăn Công nghiệp Nguyễn Huỳnh (i)	35.354.000	35.354.000
Công ty TNHH TM DV Thông Tin GoL (i)	34.000.000	34.000.000
Công ty CP Lương Thực Hậu Giang (i)	7.524.103.500	7.524.103.500
Tổng	7.679.918.775	7.679.918.775

(i) Các đối tượng công nợ này được xóa sổ từ năm 2020 do xác định không có khả năng thu hồi. Công ty thực hiện xóa nợ theo Biên bản họp hội đồng xử lý nợ ngày 30/11/2020 của Hội đồng xử lý nợ Công ty.

(ii) Đối tượng công nợ này Công ty đã thực hiện xóa sổ kế toán từ năm 2011 do xác định không có khả năng thu hồi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	477.105.856.604	441.371.976.339
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.019.744.723	2.474.713.363
Doanh thu bán phế liệu	-	-
Tổng	480.125.601.327	443.846.689.702
<i>Trong đó: Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>67.337.185.968</i>	<i>18.875.388.350</i>

6.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	477.105.856.604	441.371.976.339
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.019.744.723	2.474.713.363
Tổng	480.125.601.327	443.846.689.702
<i>Trong đó: Doanh thu thuần bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>67.337.185.968</i>	<i>18.875.388.350</i>

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	435.155.282.030	390.771.886.957
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.993.275.824	2.449.055.442
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt	444.198.057	379.452.386
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	238.831.951	158.735.205
Tổng	438.831.587.862	393.759.129.990

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	44.941.753	6.179.421
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	944.557.158	589.491.068
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.728.259	-
Tổng	1.003.227.170	595.670.489

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	5.874.805.179	3.055.424.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	123.390.006	172.167.408
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	36.764.534
Tổng	5.998.195.185	3.264.356.754

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	3.563.521.500	3.527.931.218
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.546.982.376	1.634.363.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.636.742.479	6.928.162.645
Chi phí nhân viên	10.581.900	116.012.000
Chi phí bằng tiền khác	930.084.311	1.140.183.928
Tổng	12.687.912.566	13.346.653.295

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.738.016.001	16.829.456.666
Chi phí vật liệu quản lý	261.963.413	305.032.062
Chi phí khấu hao TSCĐ	459.571.960	411.935.131
Thuế phí và lệ phí	1.714.852.732	598.878.903
Chi phí dự phòng	(209.786.650)	196.206.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.000.103.624	1.021.454.964
Chi phí bằng tiền khác	2.720.243.684	2.500.189.055
Tổng	21.684.964.764	21.863.153.431



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Lợi nhuận khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản	126.102.693	-
Phí dịch vụ gửi hàng hóa	218.181.820	272.727.276
Phí cho thuê nhà xưởng	609.545.453	560.454.545
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	611.936.821	714.009.313
Do hàng thừa	813.377.022	123.936.543
Thu nhập khác (i)	10.626.184.598	339.375.214
Tổng	13.005.328.407	2.010.502.891
Chi phí khác		
Chi ủng hộ xây dựng nhà văn hóa và gạo hỗ trợ bão Yagi	246.895.418	-
Các khoản chậm nộp thuế	1.108.600	166.632.392
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản	-	70.763.213
Các khoản khác (i)	2.155.419.450	81.257.273
Tổng	2.403.423.468	318.652.878
Lợi nhuận khác	10.601.904.939	1.691.850.013

(i) Trong đó có 9.938.486.088 VND và 2.038.153.604 VND là thu và chi phát sinh do vi phạm một phần của hợp đồng của Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Sài Gòn đã đồng ý hòa giải và đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm theo Quyết định số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 16/2/2024 của Tòa án Nhân dân Huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	458.129.283.996	301.622.930.577
Chi phí nhân công	30.547.812.087	33.140.850.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.615.188.501	6.791.610.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.813.537.058	22.210.834.300
Chi phí khác bằng tiền	6.378.609.102	5.573.815.694
Tổng	525.484.430.744	369.340.041.721

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.528.073.059	13.900.916.734
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	1.831.127.538	256.902.121
Các khoản chi phí không được trừ	1.831.127.538	256.902.121
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	14.359.200.597	14.157.818.855
Thu nhập tính thuế	14.359.200.597	14.157.818.855
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	2.871.840.119	2.831.563.771
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	2.000.000	205.808.154
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.873.840.119	3.037.371.925

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.654.232.940	10.863.544.809
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	(1.403.134.941)	(1.878.327.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.251.097.999	8.985.217.809
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	10.777.838	10.777.838
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	765,562	833,675

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 08/5/2024 của Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm; Số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban Quản lý điều hành là 1.403.134.941 VND. Quyết định cuối cùng về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ có thể bị thay đổi sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Trình bày lại Chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023:

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành và chi lương thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày lại như sau:

	Năm 2023 đã trình bày (VND)	Năm 2023 trình bày lại (VND)	Chênh lệch (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.863.544.809	10.863.544.809	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành	(1.862.856.721)	(1.878.327.000)	(15.470.279)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.000.688.088	8.985.217.809	(15.470.279)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.777.838	10.777.838	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	835,111	833,675	(1,435)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Lương thực Long An	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty
3	Công ty Lương thực Đồng Tháp	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty
3	Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty
4	Công ty Bột mì Bình Đông	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty
5	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty
6	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	Đơn vị cùng Công ty mẹ
7	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Đơn vị cùng Công ty mẹ
8	Công ty Cổ phần Lương Thực Bình Định	Đơn vị cùng Công ty mẹ
9	Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty
10	Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực	Đơn vị cùng Công ty mẹ
11	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa Miliket	Đơn vị cùng Công ty mẹ
12	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b) Thù lao của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT, miễn nhiệm từ ngày 08/5/2024	46.722.000	10.000.000
Ông Lê Phát Tài	Chủ tịch HĐQT	77.308.000	-
Ông Nguyễn Văn Kiệt	Phó Chủ tịch HĐQT	492.818.000	509.180.000
Bà Lê Mai Hân	Phó Chủ tịch HĐQT	130.254.000	97.777.000
Ông Nguyễn Bình Hiền	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoài	Thành viên HĐQT, miễn nhiệm từ ngày 15/6/2022	-	10.811.000
Ông Võ Hùng Dũng	Thành viên HĐQT, miễn nhiệm từ ngày 15/6/2022	-	10.811.000
Ông Trần Vĩnh Thanh	Thành viên HĐQT, miễn nhiệm từ ngày 19/4/2023	17.301.000	116.659.000
Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Thành viên HĐQT	86.821.000	7.000.000
Ông Lê Trường Sơn	Thành viên HĐQT, miễn nhiệm từ ngày 01/12/2023	-	77.000.000
Tổng		935.224.000	923.238.000

c. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Hoàng Thị Liên	Trưởng BKS	308.711.000	312.849.000
Bà Lê Thị Hồng Nhung	Thành viên BKS	239.094.000	205.778.300
Ông Phan Lê Duy	Thành viên BKS	63.672.000	70.111.000
Tổng		611.477.000	588.738.300

d. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Trường Sơn	Tổng Giám đốc	484.881.000	491.249.000
Ông Nguyễn Bình Hiền	Phó Tổng Giám đốc	431.321.000	444.762.000
Ông Nguyễn Minh Phục	Phó Tổng Giám đốc	402.369.000	413.013.000
Tổng		1.318.571.000	1.349.024.000

e. Lương và các lợi ích khác của người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Nguyễn Thị Thanh Phụng	Kế toán trưởng	360.284.000	287.902.000
Ông Phạm Hoàng Chương	Thư ký HĐQT	54.000.000	54.000.000
Tổng		414.284.000	341.902.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

e) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
Giao dịch mua		1.881.656.736	49.154.502
Công ty Lương thực Tiền Giang	Mua hàng hóa	48.306.949	49.154.502
Công ty Lương thực Đồng Tháp	Mua dịch vụ	1.832.895.242	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Mua hàng hóa	454.545	-
Giao dịch bán		67.337.185.968	18.875.388.350
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần Công ty Lương thực Long An	Bán gạo, bao bì, dịch vụ cơ khí	46.290.905.900	1.188.531.000
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần Chi nhánh Thốt Nốt	Bán thành phẩm		311.000.000
Công ty Bột mì Bình Đông	Bán bao bì, dịch vụ cơ khí	1.976.872.500	1.654.231.200
Công ty Lương thực Đồng Tháp	Dịch vụ cơ khí	8.400.000	431.100.000
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	Bán thành phẩm	40.890.000	32.500.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Bán thành phẩm	9.378.789.000	2.661.575.000
Công ty Cổ phần Lương Thực Bình Định	Dịch vụ cơ khí	-	6.535.600.000
Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Dịch vụ cơ khí	-	447.260.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.210.321.857	-
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa Miliket	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.700.000	-
Giao dịch khác		7.760.160.000	4.720.764.000
Tổng công ty Lương thực Miền Nam Công ty cổ phần	Chia cổ tức	7.760.160.000	4.720.764.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

f) Số dư chủ yếu với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>31/12/2024</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2024</u> <u>VND</u>
Phải thu khách hàng	1.211.604.804	1.235.519.272
Công ty Lương thực Long An	995.280.804	528.770.592
Công ty Bột mì Bình Đông	216.324.000	378.778.680
Công ty Lương Thực Đồng Tháp	-	29.370.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	-	298.600.000
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
Công ty Lương Thực Đồng Tháp	300.000.000	300.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Báo cáo bộ phận

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp cơ khí; bê tông tươi; lương thực, thực phẩm; bao bì mỹ nghệ và lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

a) Báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2023

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Lĩnh vực xây lắp cơ khí, bê tông tươi và VLXD	Lĩnh vực lương thực, thực phẩm	Lĩnh vực bao bì mỹ nghệ	Khác	Tổng cộng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	12.540.305.299	11.793.231.806	3.048.474.845	1.047.342.350	28.429.354.300
Xây dựng cơ bản dở dang	-	565.669.287	-	-	565.669.287
Các khoản phải thu	12.039.559.255	14.430.063.371	2.269.423.144	392.861.690	29.131.907.460
Hàng tồn kho	10.988.753.642	84.154.334.133	9.821.025.108	-	104.964.112.883
Tài sản không thể phân bổ					6.244.157.061
Tổng tài sản					169.335.200.991
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	13.484.179.205	376.042.024	143.022.130	10.302.452.983	24.305.696.342
Phải trả tiền vay	-	21.274.031.400	-	-	21.274.031.400
Nợ phải trả không phân bổ					
Tổng nợ phải trả					45.579.727.742

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Lĩnh vực xây lắp cơ khí, bê tông tươi và VLXD	Lĩnh vực lương thực, thực phẩm	Lĩnh vực bao bì mỹ nghệ	Khác	Tổng cộng
Tổng doanh thu	73.356.446.067	345.162.834.684	25.327.408.951	-	443.846.689.702
Kết quả kinh doanh bộ phận	6.083.007.267	39.572.442.402	4.432.110.043	-	50.087.559.712
Trừ: Chi phí không phân bổ					(35.209.806.726)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					14.877.752.986
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư					595.670.489
Chi phí tài chính (không phân bổ)					(3.264.356.754)
Lợi nhuận khác					1.691.850.013
Lợi nhuận kế toán trước thuế					13.900.916.734
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(3.037.371.925)
Lợi nhuận trong năm					10.863.544.809



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2024

	Lĩnh vực xây lắp cơ khí, bê tông tươi và VLXD	Lĩnh vực lương thực, thực phẩm	Lĩnh vực bao bì mỹ nghệ	Khác	Tổng cộng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	9.091.143.482	10.375.075.673	2.584.418.100	1.535.899.369	23.586.536.624
Xây dựng cơ bản dở dang	41.232.253	83.010.975	-	-	124.243.228
Các khoản phải thu	12.054.129.682	21.403.096.486	2.374.286.904	536.000.000	36.367.513.072
Hàng tồn kho	6.295.202.722	119.048.617.304	5.953.245.728	-	131.297.065.754
Tài sản không thể phân bổ					3.749.656.637
Tổng tài sản					195.125.015.315
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	10.972.983.254	3.539.234.847	432.704.357	5.973.918.618	20.918.841.076
Phải trả tiền vay	-	55.908.200.650	-	-	55.908.200.650
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả					76.827.041.726

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Lĩnh vực xây lắp cơ khí, bê tông tươi và VLXD	Lĩnh vực lương thực, thực phẩm	Lĩnh vực bao bì mỹ nghệ	Khác	Tổng cộng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	70.733.295.790	376.128.270.180	33.264.035.357	-	480.125.601.327
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.315.202.276	30.805.823.324	5.172.987.865		41.294.013.465
Trừ: Chi phí không phân bổ					(34.372.877.330)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					6.921.136.135
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư					1.003.227.170
Chi phí tài chính (không phân bổ)					(5.998.195.185)
Lợi nhuận khác					10.601.904.939
Lợi nhuận kế toán trước thuế					12.528.073.059
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(2.873.840.119)
Lợi nhuận trong năm					9.654.232.940

Đơn vị tính: VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

b) Báo cáo chia theo khu vực địa lý

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước (VND)	Nước ngoài (VND)	Tổng (VND)
Doanh thu	396.765.944.935	83.359.656.392	480.125.601.327
Giá vốn	364.276.180.225	74.555.407.637	438.831.587.862
Lợi nhuận gộp	32.489.764.710	8.804.248.755	41.294.013.465

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước (VND)	Nước ngoài (VND)	Tổng (VND)
Doanh thu	370.665.176.229	73.181.513.473	443.846.689.702
Giá vốn	330.987.278.646	62.771.851.344	393.759.129.990
Lợi nhuận gộp	39.677.897.583	10.409.662.129	50.087.559.712

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Long An, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập

Bùi Văn Kết

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Phụng

Tổng Giám đốc



Lê Trường Sơn

CPA VIETNAM

Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CP XÂY LẬP – CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM

Long An, ngày 22 tháng 03 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ TRƯỜNG SƠN

